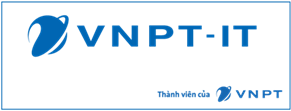
**TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

CÔNG TY CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VNPT



**DỊCH VỤ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ THUỘC**

**HỆ SINH THÁI QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**TÀI LIỆU ĐẶC TẢ CHI TIẾT**

**YÊU CẦU NGƯỜI SỬ DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số: | B065\_HDDT |
| Phiên bản: | 1.0 |
| Ngày hiệu lực: | 01/06/2024 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Họ và tên** | **Chức danh** | **Ngày, tháng** | **Ký tên** |
| **Soạn thảo** | Nguyễn Lương Hiền | BA | 01/05/2024 |  |
| **Xem xét** | Đặng Thị Kiều Oanh | BALead | 22/05/2024 |  |
| **Thẩm định** | Đoàn Bích Ngọc | PM | 30/05/2024 |  |
| **Phê chuẩn** | Đoàn Bích Ngọc | PM | 30/05/2024 |  |

**LỊCH SỬ THAY ĐỔI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ID** | **Version**  **Phiên bản** | **Doer**  **Người thực hiện** | **Approver**  **Người phê duyệt** | **Date**  **Ngày hiệu lực** | **Content**  **Nội dung thay đổi** |
| **1** | 1.0 | Nguyễn Lương Hiền | Đoàn Bích Ngọc | 01/05/2024 | Tạo mới |

**MỤC LỤC**

[I. TỔNG QUAN 5](#_Toc167894504)

[I.1. Mục đích 5](#_Toc167894505)

[I.2. Phạm vi 5](#_Toc167894506)

[I.3. Tài liệu liên quan 5](#_Toc167894507)

[I.4. Giải thích từ ngữ và các chữ viết tắt 5](#_Toc167894508)

[II. TỔNG QUAN HỆ THỐNG 6](#_Toc167894509)

[II.1. Mục tiêu hệ thống 6](#_Toc167894510)

[II.2. Đối tượng người dùng của hệ thống 6](#_Toc167894511)

[II.2.1. Hệ thống phát hành và tra cứu hóa đơn điện tử 6](#_Toc167894512)

[III. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ 10](#_Toc167894513)

[III.1. Quy trình nghiệp vụ tổng thể hệ thống phát hành 10](#_Toc167894514)

[III.1.1. Quy trình tổng thể 10](#_Toc167894515)

[III.2. Quy trình chi tiết 12](#_Toc167894516)

[III.2.1. Quy trình nghiệp vụ Quản lý phát hành hóa đơn 12](#_Toc167894517)

[III.2.2. Quy trình nghiệp vụ Phân phối hóa đơn 14](#_Toc167894518)

[III.2.3. Quy trình phát hành hóa đơn có mã của CQT 15](#_Toc167894519)

[IV. YÊU CẦU CHỨC NĂNG 19](#_Toc167894520)

[IV.1. Quản trị hệ thống 19](#_Toc167894521)

[IV.1.1 Đăng nhập 20](#_Toc167894522)

[IV.1.2 Quản lý người dùng 21](#_Toc167894523)

[IV.1.3 Quản lý menu 28](#_Toc167894524)

[IV.1.4 Quản lý vai trò 34](#_Toc167894525)

[IV.1.5 Nghị định 13 40](#_Toc167894526)

[IV.1.6 Tích hợp xác thực đăng nhập qua Hệ sinh thái 46](#_Toc167894527)

[IV.1.7 Tích hợp đồng bộ người dùng - đơn vị 47](#_Toc167894528)

[IV.1.8 Tích hợp đồng bộ người dùng - đơn vị - vai trò 49](#_Toc167894529)

[IV.1.9 Điều hướng sản phẩm dịch vụ 51](#_Toc167894530)

[IV.2. Cấu hình hóa đơn 52](#_Toc167894531)

[IV.2.1 Kết nối HDDT 52](#_Toc167894532)

[IV.2.2 Thông tin doanh nghiệp 57](#_Toc167894533)

[IV.2.3 Đăng ký tờ khai ĐK01 sử dụng HDDT 61](#_Toc167894534)

[IV.2.4 Cấu hình chứng thư số 73](#_Toc167894535)

[IV.2.5 Quản lý mẫu hóa đơn 79](#_Toc167894536)

[IV.2.6 Quản lý dải hóa đơn 89](#_Toc167894537)

[IV.3. Xử lý hóa đơn 97](#_Toc167894538)

[IV.3.1 Quản lý hóa đơn 97](#_Toc167894539)

[IV.3.2 Dữ liệu hóa đơn từ máy tính tiền 109](#_Toc167894540)

[IV.3.3 Danh sách hóa đơn điều chỉnh 114](#_Toc167894541)

[IV.3.4 Danh sách hóa đơn thay thế 136](#_Toc167894542)

[IV.3.5 Quản lý thông báo sai sót 151](#_Toc167894543)

[IV.3.6 Danh sách hóa đơn hủy 163](#_Toc167894544)

[IV.3.7 Lịch sử gửi cơ quan thuế 171](#_Toc167894545)

[IV.3.8 Danh sách hóa đơn chuyển đổi 177](#_Toc167894546)

[IV.3.9 Tra cứu hóa đơn từ Hệ thống HDDT của Tổng cục thuế 180](#_Toc167894547)

[IV.4. Báo cáo 184](#_Toc167894548)

[IV.3.1 Bảng kê hóa đơn từ chứng từ bán hàng (mẫu GTGT) 184](#_Toc167894549)

[IV.3.2 Thống kê chi tiết hàng hóa trong hóa đơn 190](#_Toc167894550)

[IV.3.3 Báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ 195](#_Toc167894551)

[IV.3.4 Báo cáo giảm thuế GTGT 200](#_Toc167894552)

[IV.5. Tích hợp API 205](#_Toc167894553)

[IV.5.1 API quản lý chứng thư số 205](#_Toc167894554)

[IV.5.2 API quản lý mẫu hóa đơn 209](#_Toc167894555)

[IV.5.3 API quản lý dải ký hiệu 211](#_Toc167894556)

[IV.5.4 API quản lý hóa đơn 214](#_Toc167894557)

[V. CÁC YÊU CẦU PHI CHỨC NĂNG 224](#_Toc167894558)

[V.1. Yêu cầu bản mật, phân quyền người sử dụng 224](#_Toc167894559)

[V.2. Yêu cầu sao lưu và phục hồi dữ liệu 224](#_Toc167894560)

[V.3. Yêu cầu về tính khả dụng (Usability) 224](#_Toc167894561)

[V.4. Mã yêu cầu: yêu cầu về tính ổn định (Reliability) 224](#_Toc167894562)

[V.5. Yêu cầu về hiệu năng (Performance) 225](#_Toc167894563)

[V.6. Yêu cầu về tính hỗ trợ (Supportability) 225](#_Toc167894564)

[V.7. Yêu cầu các ràng buộc thiết kế (Design contraints) 225](#_Toc167894565)

[V.8. Yêu cầu về giao tiếp (Interfaces) 225](#_Toc167894566)

[V.9. Các yêu cầu về tài liệu người dùng và hỗ trợ trực tuyến 226](#_Toc167894567)

[V.10. Mã yêu cầu: các thành phần mua ngoài 226](#_Toc167894568)

[V.11. Các yêu cầu pháp lý, bản quyền và ghi chú khác 226](#_Toc167894569)

[V.12. Các tiêu chuẩn áp dụng 226](#_Toc167894570)

[VI. TIÊU CHUẨN NGHIỆM THU (\*) 226](#_Toc167894571)

# TỔNG QUAN

## Mục đích

Tài liệu được xây dựng nhằm đảm bảo người dùng và đội dự án có cùng một ý hiểu về các chức năng nghiệp vụ sẽ thực hiện. Nó còn là đầu vào cho đội dự án xây dựng kế hoạch chi tiết, thiết kế chi tiết; thực hiện các vấn đề về bảo mật, triển khai.

## Phạm vi

* Trình bày chi tiết các yêu cầu nghiệp vụ. Làm rõ các yêu cầu về bảo mật, hạ tầng để hỗ trợ cho quá trình thiết kế bảo mật, hạ tầng.
* Đảm bảo dự án tuân theo chiến lược phát triển của tổ chức, cũng như tuân thủ kiến trúc tổng thể của hệ thống của tổ chức.
* Thuyết minh các yêu cầu chức năng nghiệp vụ mức cao và những thành phần của nó từ các khung nhìn mức logic, dữ liệu, đến mức vật lý, tương tác giữa các thành phần.

## Tài liệu liên quan

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài liệu** | **Tên file** |
|  | Tài liệu đặc tả yêu cầu phần mềm |  |
|  | Nghị định 123/2020/NĐ-CP |  |
|  | Thông tư 78/2021/TT-BTC |  |
|  | Quyết định số 1450/QĐ-TCT ngày 07/10/2021 |  |
|  | Quyết định 1510/QĐ-TCT ngày 21/09/2022 của Tổng cục thế sửa đổi bổ sung Quyết định 1450/QĐ-TCT |  |

## Giải thích từ ngữ và các chữ viết tắt

| **Thuật ngữ** | **Ý nghĩa** |
| --- | --- |
| HDDT | Hóa đơn điện tử |
| BTC | Bộ tài chính |
| CQT | Cơ quan thuế |
| KH | Khách hàng |
| DN | Doanh nghiệp |
| HĐ | Hóa đơn |
| NTT | Người nộp thuế |
| TCTN | Tổ chức truyền nhận |
| TCGP | Tổ chức (cung cấp) giải pháp |
| HST | Hệ sinh thái |

# TỔNG QUAN HỆ THỐNG

## Mục tiêu hệ thống

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã mục tiêu** | **Tên mục tiêu** | **Đối tượng liên quan** | **Mức độ ưu tiên** |
| 1 | MT01 | Quản lý quy trình khởi tạo hệ thống hóa đơn điện tử  Quản lý thông tin doanh nghiệp, cấu hình hệ thống và mẫu hóa đơn | Quản trị hệ thống - VNPT | Cao |
| 2 | MT02 | Quản lý phát hành hóa đơn | Quản trị hệ thống của doanh nghiệp, Nhân viên quản trị nội dung, Nhân viên kế toán, Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị | Cao |
| 3 | MT03 | Phân phối hóa đơn đến khách hàng | Khách hàng cá nhân, Khách hàng là đơn vị kế toán | Cao |
| 4 | MT04 | Gửi dữ liệu hóa đơn điện tử đến Cơ quan thuế | Hệ thống  Nhân viên kế toán, Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị | Cao |

## Đối tượng người dùng của hệ thống

### Hệ thống phát hành và tra cứu hóa đơn điện tử

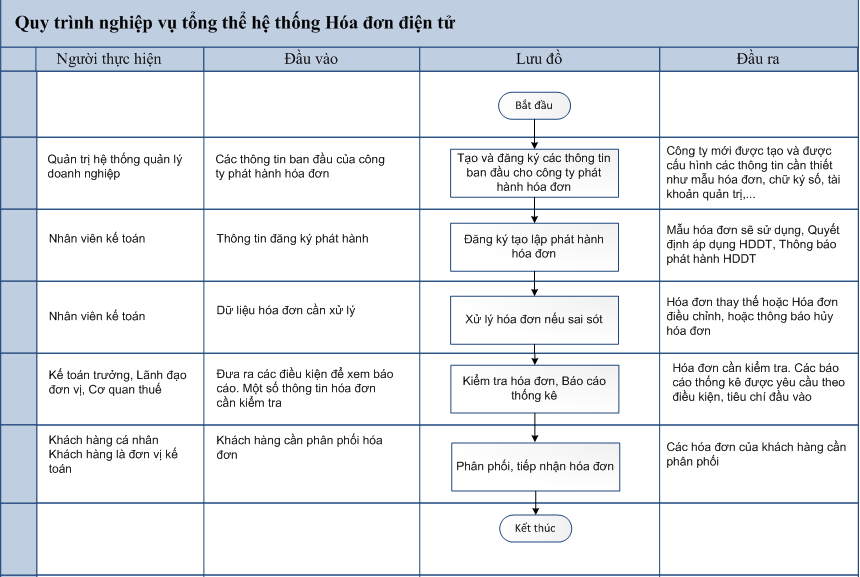


|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đối tượng** | **Mô tả** | **Tương tác với hệ thống** | | **Lợi ích mong đợi** |
| **Vào** | **Ra** |
| 1 | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp | Là nhân viên quản trị của công ty cung cấp dịch vụ hoặc của tổng công ty quản lý các công ty con. Thực hiện quản trị chung các doanh nghiệp phát hành hóa đơn trong hệ thống. | Yêu cầu dữ liệu, khai báo các mục dữ liệu cần thiết | Kết quả dữ liệu yêu cầu, danh sách danh mục dữ liệu | * Kiểm soát hệ thống, tạo và cấp quyền cho người dùng * Tạo, sửa thông tin các công ty thực hiện Quản lý phát hành hóa đơn trên hệ thống * Quản lý mẫu hóa đơn, đăng ký mẫu cho các công ty. Cấu hình thông tin chữ ký số cho công ty * Quản lý một số danh mục dùng chung |
| 2 | Quản trị hệ thống của doanh nghiệp | Nhân viên được giao quản trị các danh mục hệ thống. Quản lý và cấp quyền cho người dùng trong công ty mình. Sửa một số thông tin của công ty mình, xem thông tin chữ ký số. | Yêu cầu dữ liệu, khai báo danh mục dữ liệu cần thiết | Kết quả dữ liệu yêu cầu, danh sách danh mục dữ liệu | * Kiểm soát hệ thống, tạo và cấp quyền cho người dùng * Chỉnh sửa thông tin công ty khi cần thiết * Xem thông tin chữ ký số của công ty mình |
| 3 | Nhân viên quản trị nội dung | Nhân viên được giao nhiệm vụ quản trị nội dung. Nhập, sửa các thông tin về khách hàng, sản phẩm và một số danh mục khác. | Yêu cầu dữ liệu, Các dữ liệu cần thiết của các danh mục như khách hàng, sản phẩm,… | Kết quả dữ liệu yêu cầu, danh sách danh mục dữ liệu | Quản lý các thông tin về danh mục như sản phẩm, khách hàng,… |
| 4 | Nhân viên kế toán | Thực hiện tạo lập bộ hồ sơ đăng ký phát hành với Cục thuế trực tiếp quản lý như: Quyết định áp dụng HDDT, Thông báo phát hành HDDT. Thực hiện tạo lập, phát hành hóa đơn, báo cáo thống kê, xử lý hóa đơn sau lập.  Quản lý các danh mục liên quan như khách hàng, sản phẩm,.. | Yêu cầu dữ liệu, khai báo danh mục dữ liệu cần thiết | Kết quả dữ liệu yêu cầu, danh sách danh mục dữ liệu | * Quản lý Quyết định áp dụng HDDT * Quản lý thông báo phát hành * Tạo lập và phát hành hóa đơn * Xử lý hóa đơn sau lập * Xem các báo cáo thống kê |
| 5 | Kế toán trưởng | Kiểm tra, xem thông tin hóa đơn. Xem các báo cáo thống kê. | Yêu cầu dữ liệu, khai báo danh mục dữ liệu cần thiết | Kết quả dữ liệu yêu cầu, danh sách danh mục dữ liệu | * Kiểm tra, xem thông tin chi tiết của các hóa đơn * Xem các báo cáo thống kê |
| 6 | Lãnh đạo đơn vị | Kiểm tra, xem thông tin hóa đơn. Xem các báo cáo thống kê.  Xem thông tin các nhân viên | Yêu cầu dữ liệu, khai báo danh mục dữ liệu cần thiết | Kết quả dữ liệu yêu cầu, danh sách danh mục dữ liệu | * Kiểm tra, xem thông tin chi tiết của các hóa đơn * Xem các báo cáo thống kê * Xem thông tin nhân viên |
| 7 | Khách hàng cá nhân | Là khách hàng cá nhân tiếp nhận hóa đơn của doanh nghiệp đã phát hành. Phương tiện tiếp nhận HDDT là qua portal, Email | Yêu cầu dữ liệu | Kết quả dữ liệu yêu cầu | * Quản lý thông tin cá nhân * Quản lý hóa đơn doanh nghiệp phát hành cho mình * In hóa đơn, chuyển đổi, download hóa đơn |
| 8 | Khách hàng là đơn vị kế toán | Khách hàng là đơn vị kế toán tiếp nhận hóa đơn của doanh nghiệp đã phát hành. Phương tiện tiếp nhận HDDT là qua portal, Email | Yêu cầu dữ liệu | Kết quả dữ liệu yêu cầu | * Quản lý thông tin cá nhân * Quản lý hóa đơn doanh nghiệp phát hành cho mình * In hóa đơn, chuyển đổi, download hóa đơn * Ký xác nhận hóa đơn |
| 9 | Cơ quan thuế | Kiểm tra hóa đơn, xem báo cáo thống kê | Yêu cầu dữ liệu | Kết quả dữ liệu yêu cầu | * Tìm kiếm, xem thông tin chi tiết hóa đơn * Xem báo cáo thống kê |

# QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ

## Quy trình nghiệp vụ tổng thể hệ thống phát hành

### Quy trình tổng thể

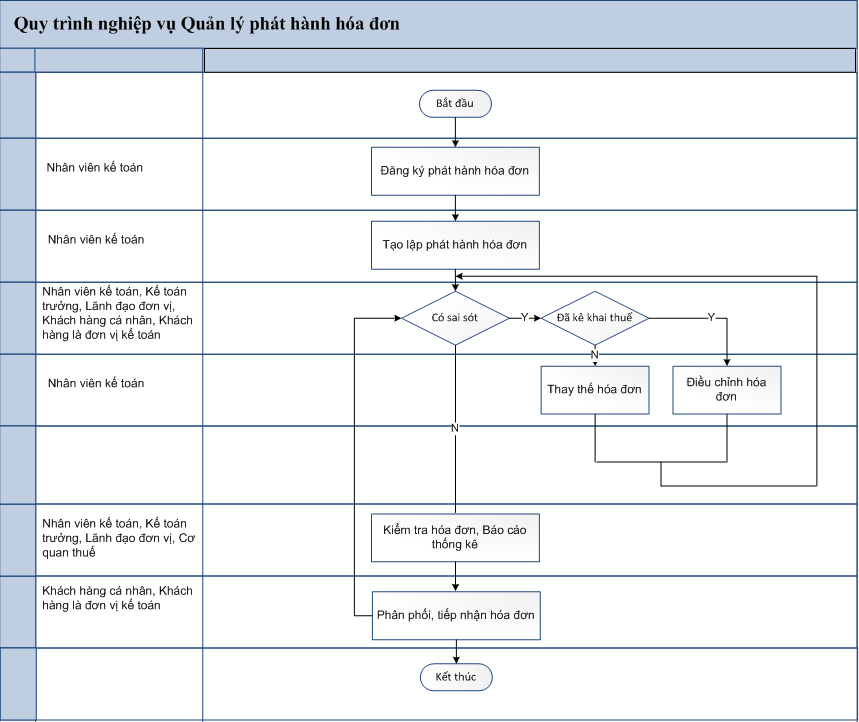


*Bảng mô tả quy trình nghiệp vụ*

| **Thứ tự bước thực hiện** | **Tên bước** | **Người thực hiện** | **Diễn giải bước thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B01 | Tạo và đăng ký thông tin ban đầu cho công ty phát hành hóa đơn | Quản trị hệ thống của doanh nghiệp | Thiết lập thông tin công ty theo đúng thông tin đăng ký doanh nghiệp  Thiết lập chữ ký số  Thiết lập mẫu hóa đơn cần phát hành |
| B02 | Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử | Nhân viên kế toán  Kế toán trưởng | Tạo và gửi tờ khai 01/ĐKTĐ-HDDT lên cơ quan thuế  Tạo dải ký hiệu hóa đơn |
| B03 | Tạo và phát hành hóa đơn | Nhân viên kế toán  Kế toán trưởng | Tạo và phát hành hóa đơn |
| B04 | Xử lý hóa đơn có sai sót | Nhân viên kế toán | Lập hóa đơn điều chỉnh/thay thế  Lập thông báo hóa đơn điện tử sai sót |
| B05 | Báo cáo thống kê | Nhân viên kế toán  Kế toán trưởng  Lãnh đạo đơn vị | Tạo bảng tổng hợp gửi cơ quan thuế (nếu có)  Thống kê, báo cáo (nếu có) |
| B06 | Phân phối hóa đơn | Hệ thống  Nhân viên kế toán  Khách hàng là người mua | Hệ thống tự động gửi email cho khách hàng hoặc kế toán gửi mail thủ công cho người mua |

## Quy trình chi tiết

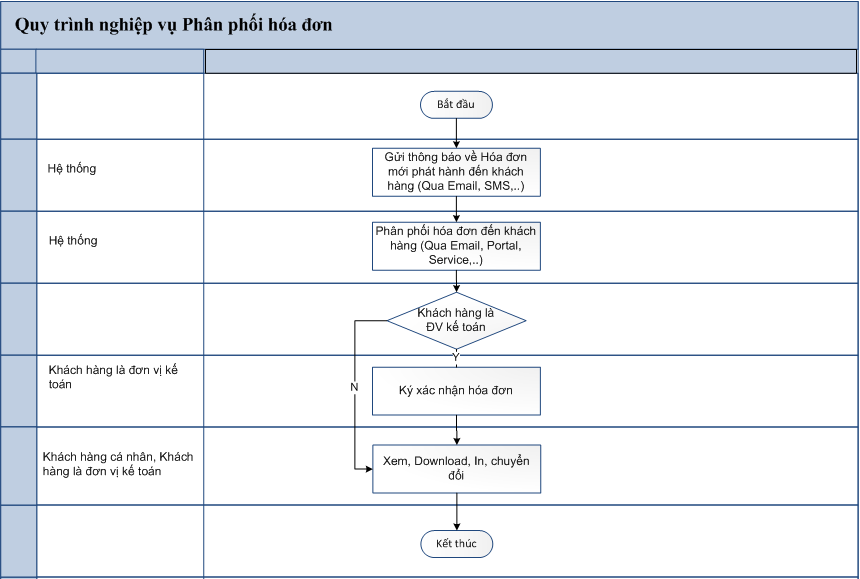
### Quy trình nghiệp vụ Quản lý phát hành hóa đơn



* *Bảng mô tả quy trình nghiệp vụ*

| **Thứ tự bước thực hiện** | **Tên bước** | **Người thực hiện** | **Diễn giải bước thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B01 | Đăng ký phát hành hóa | Nhân viên kế toán | Đăng ký dải hóa đơn phát hành |
| B02 | Tạo lập phát hành hóa đơn | Nhân viên kế toán | Tạo hóa đơn, phát hành hóa đơn  Ký số hóa đơn (nếu đơn vị dùng token hoặc ký số từ xa) |
| B03 | Phát hiện hóa đơn có sai sót  ->Lập hóa đơn điều chỉnh/thay thế hoặc hủy hóa đơn | Nhân viên kế toán  Kế toán trưởng  Lãnh đạo đơn vị | - Lập biên bản thỏa thuận sai sót  - Lập hóa đơn điều chỉnh/thay thế/hủy hóa đơn  - Lập thông báo hóa đơn sai sót 04/SS |
| B04 | Kiểm tra hóa đơn | Nhân viên kế toán  Kế toán trưởng  Lãnh đạo đơn vị | Kiểm tra trạng thái hóa đơn gốc/ điều chỉnh/thay thế xem có được CQT chấp nhận hay không |
| B05 | Phân phối hóa đơn | Hệ thống  Nhân viên kế toán  Khách hàng là người mua | Hệ thống tự động gửi email cho khách hàng hoặc kế toán gửi mail thủ công cho người mua |

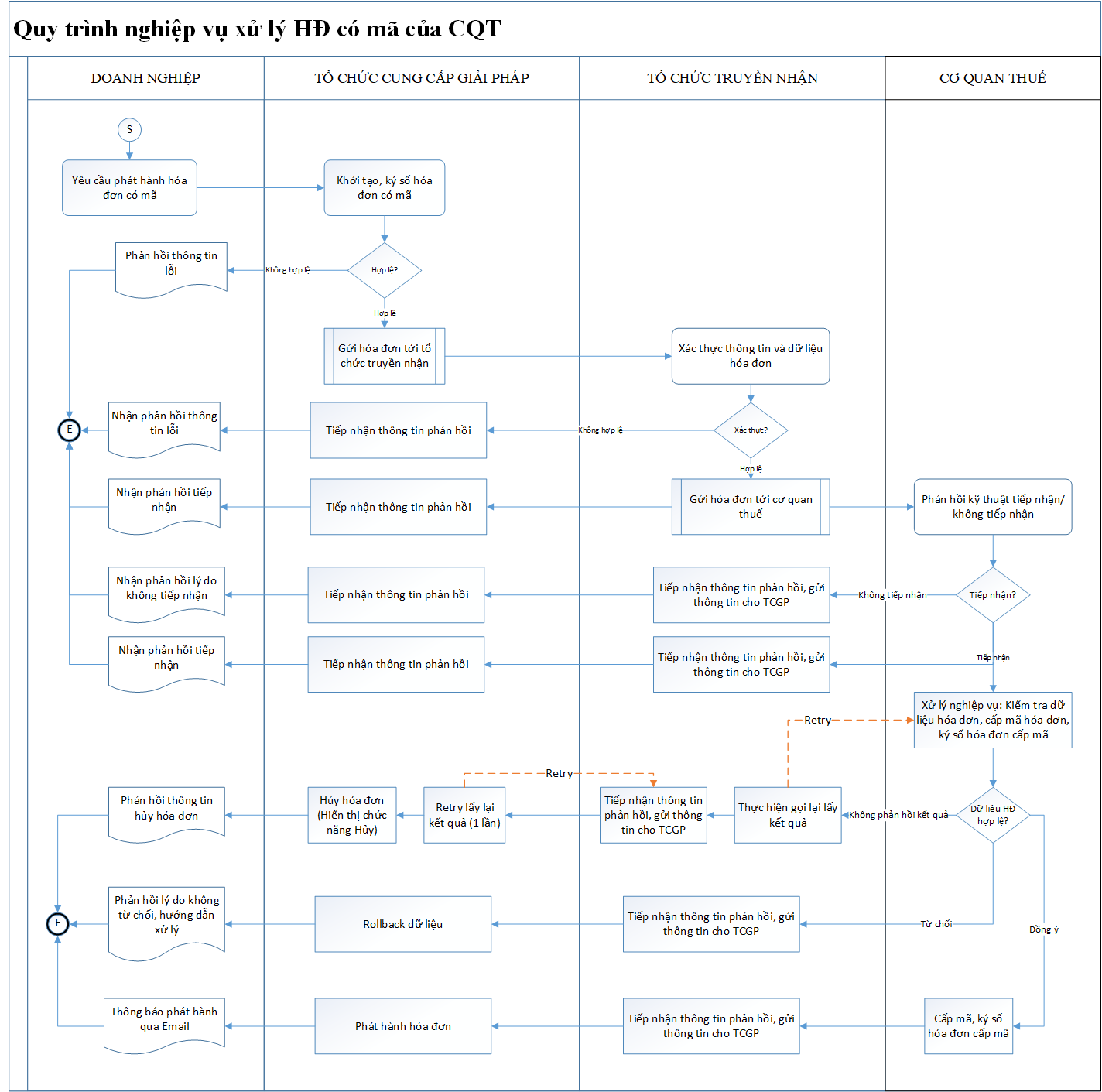
### Quy trình nghiệp vụ Phân phối hóa đơn



*Bảng mô tả nghiệp vụ*

| **Thứ tự bước thực hiện** | **Tên bước** | **Người thực hiện** | **Diễn giải bước thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B01 | Gửi thông báo hóa đơn mới phát hành/điều chỉnh/thay thế/hủy đến người mua | Hệ thống | Gửi email thông báo hóa đơn mới phát hành/điều chỉnh/thay thế/hủy đến người mua |
| B02 | Phân phối hóa đơn | Hệ thống | Tự động gửi email cho người mua theo thông tin đã nhập trên hóa đơn |
| B03 | Ký số hóa đơn | Khách hàng là đơn vị kế toán | Ký số lên hóa đơn |
| B04 | Tải, in, xem hóa đơn | Khách hàng thông thường  Khách hàng là đơn vị kế toán | Tìm kiếm, xem, tải, in hóa đơn theo định dạng: XML, PDF |

### Quy trình phát hành hóa đơn có mã của CQT



**Mô tả quy trình**

| **Mã bước thực hiện** | **Tên bước** | **Người thực hiện** | **Diễn giải bước thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước 1 | NTT, Doanh nghiệp có nhu cầu tạo hóa đơn có mã của CQT | NTT, Doanh nghiệp | NNT, Doanh nghiệp truy cập vào hệ thống giải pháp HDDT |
| Bước 2 | Lập, Ký số hóa đơn có mã của CQT | NTT, Doanh nghiệp | Gửi hồ sơ đến hệ thống truyền nhận của VNPT |
| Bước 3 | Gửi thông tin đến tổ chức truyền nhận (TCTN) | Hệ thống TCGP | NTT/Doanh nghiệp bấm nút gửi hóa đơn xin cấp mã CQT.  Hệ thống TCGP thực hiện gửi gói tin đến TCTN |
| Bước 4 | Kiểm tra gói tin, dữ liệu hóa đơn | Hệ thống TCTN | Kiểm tra định dạng gói tin, phản hồi trạng thái tiếp nhận gói tin cho TCGP và đẩy dữ liệu vào CSDL |
| Bước 5 | Tổ chức truyền nhận đóng gói dữ liệu, gửi gói tin hóa đơn đến Cơ quan thuế | Hệ thống TCTN | TCTN gửi gói tin hóa đơn đến Cơ quan thuế lần lượt theo queue |
| Bước 6 | Phản hồi kỹ thuật về việc tiếp nhận gói tin từ TCTN | Cơ quan thuế | Kiểm tra định dạng gói tin, phản hồi trạng thái tiếp nhận/không tiếp nhận gói tin cho TCTN và lưu dữ liệu vào Queue |
| Bước 7 | Gửi trả kết quả xử lý dữ liệu cho tổ chức truyền nhận | Cơ quan thuế | Gửi kết quả cấp mã hóa đơn cho tổ chức truyền nhận |
| Bước 8 | Tổ chức truyền nhận gửi kết quả từ Cơ quan thuế gửi cho TCGP | TCTN | Tổ chức truyền nhận nhận kết quả phản hồi từ Cơ quan thuế |
| 8.1 | Trường hợp hóa đơn không hợp lệ | TCTN | Trường hợp hóa đơn không hợp lệ: Tổ chức truyền nhận gửi danh sách HĐ không hợp lệ, mô tả thông tin lỗi tương ứng cho khách hàng (TCGP) |
| 8.2 | Trường hợp hóa đơn hợp lệ | TCTN | Trường hợp hóa đơn không hợp lệ: Tổ chức truyền nhận gửi thông tin hóa đơn cấp mã cho TCGP |
| 8.3 | Trường hợp không nhận được phản hồi kết quả từ CQT | TCTN | Trường hợp không nhận được phản hồi từ CQT: TCTN phản hồi thông tin không nhận được kết quả từ CQT cho TCGP và thực hiện retry lấy lại kết quả |
| 9 | Thực hiện xử lý kết quả phản hồi việc cấp mã | TCGP |  |
| 9.1 | Trường hợp hóa đơn không hợp lệ | TCGP | Trường hợp hóa đơn không hợp lệ: Hiển thị lý do không hợp lệ, cho phép NNT chỉnh sửa hóa đơn |
| 9.2 | Trường hợp hóa đơn hợp lệ | TCGP | Trường hợp hóa đơn hợp lệ:  + Phát hành hóa đơn có mã của cơ quan thuế  + Gửi email cho khách hàng |
| 9.3 | Trường hợp không nhận được phản hồi kết quả từ CQT | TCGP | Trường hợp không nhận được phản hồi từ CQT:  + Retry lấy lại kết quả sau 10s, retry 1 lần  + nếu không nhận được kết quả sau retry thì hiển thị nút Hủy hóa đơn |

# YÊU CẦU CHỨC NĂNG

HỆ THỐNG HÓA ĐƠN

CẤU HÍNH HDDT

XỬ LÝ HÓA ĐƠN

BÁO CÁO

## Quản trị hệ thống

### IV.1.1 Đăng nhập

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_01.01.01 | Đăng nhập | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhập các thông tin sau  + Tên đăng nhập  + Mật khẩu  + Mã captcha   * **Thông tin đầu ra:**   Hệ thống HDDT của Hệ sinh thái sẽ hiển thị để người dùng thao tác các chức năng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống kiểm tra nếu khách hàng chưa đăng nhập, thực hiện điều hướng sang trang đăng nhập tập trung của Hệ sinh thái. Nếu người dùng nhập đúng các thông tin đăng nhập thì chuyển người dùng tới trang HDDT của Hệ sinh thái   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống báo lỗi nếu người dùng nhập sai một hoặc các thông tin sau: Tên đăng nhập, Mật khẩu, Mã captcha | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.1.2 Quản lý người dùng

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_01.03.01 | Danh sách người dùng | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách người dùng   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu người dùng có trên hệ thống  Người dùng chọn đơn vị trên danh sách hộ kinh doanh   * **Thông tin đầu ra:**   Hệ thống hiển thị danh sách người dùng của đơn vị đã chọn.  Lưới hiển thị gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Tên người dùng: Họ và tên người dùng  + Tên đăng nhập  + Email  + Số điện thoại  + Khoá người dùng: dạng checkbox, nếu không tích chọn thì người dùng đang hoạt động bình thường, nếu có tích chọn, là người dùng đang bị khóa  + Roles: Danh sách roles của người dùng đã được phân, các role cách nhau bởi dấu phẩy  Các nút chức năng trên lưới:  + Xóa  + Khóa/Mở khoá người dùng  + Phân quyền  Chức năng tìm kiếm:  Người dùng nhập từ khóa tìm kiếm   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách người dùng mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_01.03.02 | Thêm mới người dùng | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng thêm mới người dùng   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhập các thông tin sau  + Tên người dùng \*  + Tên đăng nhập \*  + Email \*  + Số điện thoại \*  + Khóa người dùng: dạng checkbox, mặc định là không tích chọn   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng được thêm mới vào hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống kiểm tra nếu đủ các trường bắt buộc và các trường nhập vào hợp lệ thì lưu người dùng mới vào hệ thống   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống báo lỗi nếu người dùng nhập thiếu trường bắt buộc hoặc không hợp lệ một hoặc các thông tin sau tại thông tin đầu vào ở trên | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 3 | UR\_HDDT\_01.03.03 | Phân quyền người dùng | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng phân quyền cho người dùng khác * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng chọn người dùng trên lưới để phân quyền   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng mới được chọn nhận quyền sẽ có quyền hạn như được phân   * **Chức năng xử lý:**   + Nếu người dùng là Quản trị hệ thống thì hệ thống sẽ hiển thị danh sách toàn bộ các role trong hệ thống (ngoại trừ role Quản trị hệ thống). Người dùng chọn 1 role phân quyền cho người dùng mới => lưu lại lựa chọn => hệ thống hiển thị popup xác nhận ‘Bạn có chắc chắn muốn phân quyền lại cho user?’ => người dùng chọn Đồng ý hoặc Huỷ bỏ  + Nếu người dùng không phải là Quản trị hệ thống thì hệ thống sẽ hiển thị danh sách các role thuộc thẩm quyền của người dùng. Người dùng chọn 1 role phân quyền cho người dùng mới => lưu lại lựa chọn => hệ thống hiển thị popup xác nhận ‘Bạn có chắc chắn muốn phân quyền lại cho user?’ => người dùng chọn Đồng ý hoặc Huỷ bỏ   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống báo lỗi nếu người dùng nhập thiếu trường bắt buộc hoặc không hợp lệ một hoặc các thông tin sau tại thông tin đầu vào ở trên | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 4 | UR\_HDDT\_01.03.04 | Xóa người dùng | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xóa người dùng khác khỏi hệ thống   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Xóa tại người dùng muốn xóa   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng bị xóa khỏi hệ thống và không hiển thị trên danh sách người dùng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc xóa “Quý khách chắc chắn muốn xoá người dùng?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý xóa người dùng) hoặc “Không” (hủy việc xóa người dùng)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 5 | UR\_HDDT\_01.03.05 | Khóa/Mở khoá người dùng | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng khoá/mở khoá người dùng khác trên hệ thống. Người dùng bị khóa sẽ không đăng nhập được vào hệ thống cho tới khi được mở khóa trở lại   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Khóa tại người dùng muốn khoá hoặc nhấn icon nút Mở khoá tại người dùng muốn mở khoá   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng bị khóa/mở khoá   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc khóa “Quý khách chắc chắn muốn khoá người dùng?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý khóa người dùng) hoặc “Không” (hủy việc khóa người dùng)  *+* Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc mở khóa “Quý khách chắc chắn muốn mở khoá người dùng?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý mở khóa người dùng) hoặc “Không” (hủy việc mở khóa người dùng)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.1.3 Quản lý menu

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_01.08.01 | Danh sách menu | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách menu   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu menu có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Hệ thống hiển thị danh sách menu cha, con  Lưới hiển thị gồm các trường thông tin sau:  + Mã menu  + Tiêu đề  + Đường dẫn  + Đường dẫn HDSD  + Thứ tự sắp xếp  + Ẩn: dạng checkbox  + Icon  Các nút chức năng trên lưới:  + Thêm  + Sửa  + Xóa  + Xem chi tiết menu  Chức năng tìm kiếm:  Người dùng nhập từ khóa tìm kiếm   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách menu mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_01.08.02 | Thêm mới menu | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng thêm mới menu   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhập các thông tin sau:  + Mã menu \*: trường duy nhất  + Tiêu đề tiếng Việt \*  + Tiêu đề tiếng Anh \*  + Đường dẫn \*  + Menu cha: dạng dropdownlist, người dùng chọn 1 menu  + Thứ tự sắp xếp \*: chỉ cho nhập định dạng number  + Đường dẫn hướng dẫn sử dụng  + Icon: người dùng có thể chọn upload ảnh , xóa ảnh  + Hiện menu: ô checkbox để người dùng tích chọn  Lưới danh sách chức năng gồm các trường thông tin sau:  + Mã chức năng \*: tự nhập  + Loại chức năng \*: chọn 1 chức năng trong danh sách có sẵn  + Ghi chú: tự nhập  + Nút Lưu lại và Hủy bỏ tại vị trí mỗi dòng chức năng: bấm nút Lưu lại để thêm mới chức năng vào lưới danh sách chức năng hoặc bấm nút Hủy bỏ để hủy thêm mới chức năng   * **Thông tin đầu ra:**   Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận “Bạn có chắc chắn muốn lưu lại thay đổi trên menu?”. Người dùng chọn Lưu để thêm mới menu hoặc chọn Hủy để đóng form thêm mới và quay về màn hình danh sách menu   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống kiểm tra nếu đủ các trường bắt buộc và các trường nhập vào hợp lệ thì lưu menu mới vào hệ thống   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống báo lỗi nếu người dùng nhập thiếu trường bắt buộc hoặc không hợp lệ một hoặc nhiều thông tin tại thông tin đầu vào ở trên | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 3 | UR\_HDDT\_01.08.03 | Xem chi tiết menu | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết menu   * **Thông tin đầu vào:**   Menu có sẵn trên hệ thống  Người dùng chọn vào tên 1 menu cụ thể trên danh sách menu   * **Thông tin đầu ra:**   Thông tin chi tiết của menu được hiển thị, gồm các trường thông tin như form thêm mới   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của menu   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 4 | UR\_HDDT\_01.08.04 | Cập nhật menu | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng cập nhật thông tin menu   * **Thông tin đầu vào:**   Menu có sẵn trên hệ thống  Người dùng nhấn iocn nút Sửa tại menu muốn cập nhật   * **Thông tin đầu ra:**   Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận việc lưu thông tin cập nhật “Bạn có chắc chắn muốn lưu lại thay đổi trên menu?”. Người dùng chọn đồng ý để lưu lại thông tin cập nhật vào hệ thống hoặc chọn hủy bỏ để hủy việc lưu cập nhật   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống kiểm tra nếu đủ các trường bắt buộc và các trường nhập vào hợp lệ thì lưu thông tin cập nhật menu vào hệ thống   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 5 | UR\_HDDT\_01.08.05 | Xoá menu | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xóa menu khỏi hệ thống   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Xóa tại menu muốn xóa   * **Thông tin đầu ra:**   Menu bị xóa khỏi hệ thống và không hiển thị trên danh sách menu   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc xóa “Quý khách chắc chắn muốn xoá menu?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý xóa menu) hoặc “Không” (hủy việc xóa menu)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.1.4 Quản lý vai trò

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_01.09.01 | Danh sách vai trò | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách vai trò   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu vai trò có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Hệ thống hiển thị danh sách vai trò cha, con  Lưới hiển thị gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Tên vai trò  + Đang sử dụng: ô checkbox, tích chọn nếu đang sử dụng  Các nút chức năng trên lưới:  + Sửa  + Xóa  + Xem danh sách người dùng theo vai trò   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách vai trò mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_01.09.02 | Thêm mới vai trò | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng thêm mới vai trò   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhập các thông tin sau:  + Tên vai trò \*: trường duy nhất  + Đang hoạt động: ô checkbox, mặc định được tích chọn  + Tích chọn các quyền hạn của vai trò: danh sách dạng lưới và có các ô tích chọn. Danh sách gồm các trường thông tin sau: Tiêu đề; Quyền xem (ô checkbox); Quyền thêm (ô checkbox); Quyền sửa (ô checkbox); Quyền xóa (ô checkbox)   * **Thông tin đầu ra:**   Vai trò mới được thêm vào trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống kiểm tra nếu đủ các trường bắt buộc và các trường nhập vào hợp lệ thì lưu vai trò mới vào hệ thống   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống báo lỗi nếu người dùng nhập thiếu trường bắt buộc hoặc không hợp lệ một hoặc nhiều thông tin tại thông tin đầu vào ở trên | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 3 | UR\_HDDT\_01.09.03 | Cập nhật vai trò | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng cập nhật vai trò   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng chỉnh sửa được các thông tin sau:  + Tên vai trò \*: trường duy nhất  + Đang hoạt động: ô checkbox  + Tích chọn hoặc bỏ chọn các quyền hạn của vai trò: danh sách dạng lưới và có các ô tích chọn. Danh sách gồm các trường thông tin sau: Tiêu đề; Quyền xem (ô checkbox); Quyền thêm (ô checkbox); Quyền sửa (ô checkbox); Quyền xóa (ô checkbox)   * **Thông tin đầu ra:**   Thông tin cập nhật vai trò được thêm vào trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống kiểm tra nếu đủ các trường bắt buộc và các trường nhập vào hợp lệ thì lưu thông tin cập nhật vai trò vào hệ thống   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống báo lỗi nếu người dùng nhập thiếu trường bắt buộc hoặc không hợp lệ một hoặc nhiều thông tin tại thông tin đầu vào ở trên | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 4 | UR\_HDDT\_01.09.04 | Xóa vai trò | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xóa vai trò khỏi hệ thống   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Xóa tại vai trò muốn xóa   * **Thông tin đầu ra:**   Vai trò bị xóa khỏi hệ thống và không hiển thị trên danh sách vai trò   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc xóa “Quý khách chắc chắn muốn xoá vai trò?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý xóa vai trò) hoặc “Không” (hủy việc xóa vai trò)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 5 | UR\_HDDT\_01.09.05 | Xem danh sách người dùng theo vai trò | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách người dùng theo vai trò   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng được gán vai trò có trên hệ thống  Người dùng chọn vào icon Danh sách người dùng tại vai trò muốn xem   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách người dùng được gán vai trò đã chọn hiển thị trên màn hình, gồm các trường sau:  + STT  + Tên người dùng  + Email  + Tên đăng nhập  + Số điện thoại  + Khóa người dùng: ô checkbox   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị danh sách người dùng được gán vai trò   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.1.5 Nghị định 13

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_01.10.01 | Lịch sử thao tác nghị định 13 | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem lịch sử xác nhận chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu thao tác của người dùng (khi áp dụng các quyền theo Nghị định 13) có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Lưới hiển thị gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Thời gian  + Thao tác  + Tên đăng nhập  + Loại thiết bị  + Hệ điều hành  + Địa chỉ IP  Các nút chức năng trên lưới:  + Phản hồi/Hạn chế/Rút lại sự đồng ý  + Xem chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân  + Yêu cầu xoá dữ liệu  + Yêu cầu cung cấp dữ liệu cá nhân   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị lịch sử xác nhận chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_01.10.02 | Gửi yêu cầu  Phản hồi/Hạn chế/Rút lại sự đồng ý xử lý dữ liệu cá nhân | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng thực hiện Phản hồi/Hạn chế/Rút lại sự đồng ý xử lý dữ liệu cá nhân   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn vào nút ‘Phản hồi/Hạn chế/Rút lại sự đồng ý’ trên màn hình lịch sử   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng gửi thành công tới hệ thống thông báo thực hiện Quyền Phản hồi/Hạn chế/Rút lại sự đồng ý xử lý dữ liệu cá nhân   * **Chức năng xử lý:**   Popup xác nhận Phản hồi/Hạn chế/Rút lại sự đồng ý xử lý dữ liệu cá nhân hiện ra. Trên popup có ô checkbox “Tôi đã đọc và đồng ý với việc Phản đối, Hạn chế, Rút lại sự đồng ý xử lý dữ liệu cá nhân.” Người dùng tích vào ô checkbox và nhấn nút ‘Xác nhận’. Nếu người dùng nhấn nút ‘Xác nhận’ mà chưa tích vào ô checkbox thì hệ thống hiển thị cảnh báo “Vui lòng đọc hết thông báo và tích đồng ý.”   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 3 | UR\_HDDT\_01.10.03 | Xem chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn vào nút ‘Xem chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân’ trên màn hình lịch sử   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng xem được nội dung chi tiết của chính sách tại đường link chứa nội dung chi tiết   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống đưa người dùng tới cửa sổ mới của đường link chứa nội dung chi tiết   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 4 | UR\_HDDT\_01.10.04 | Gửi yêu cầu xoá dữ liệu | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gửi yêu cầu xoá dữ liệu   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn vào nút “Yêu cầu xóa dữ liệu” trên màn hình lịch sử   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng gửi thành công tới hệ thống yêu cầu xoá dữ liệu   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup thông báo “Vui lòng liên hệ đầu mối cung cấp dịch vụ để thực hiện yêu cầu.” kèm nút OK. Người dùng nhấn nút OK để đóng thông báo.   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 5 | UR\_HDDT\_01.10.05 | Gửi yêu cầu cung cấp dữ liệu | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gửi yêu cầu xoá dữ liệu   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn vào nút “Yêu cầu cung cấp dữ liệu cá nhân” trên màn hình lịch sử   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng gửi thành công tới hệ thống yêu cầu cung cấp dữ liệu cá nhân   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup thông báo “Vui lòng liên hệ đầu mối cung cấp dịch vụ để thực hiện yêu cầu.” kèm nút OK. Người dùng nhấn nút OK để đóng thông báo.   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.1.6 Tích hợp xác thực đăng nhập qua Hệ sinh thái

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_02.01 | Đăng nhập qua Hệ sinh thái | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống HDDT của Hệ sinh thái thông qua đăng nhập tại trang đăng nhập tập trung của Hệ sinh thái   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhập các trường thông tin sau:  + Tên đăng nhập  + Mật khẩu  + Mã captcha   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng được chuyển đến trang HDDT của Hệ sinh thái để thao tác các chức năng   * **Chức năng xử lý:**   Nếu thông tin đăng nhập đúng thì hệ thống chuyển người dùng tới trang HDDT của Hệ sinh thái để thao tác các chức năng. Tại trang HDDT của Hệ sinh thái,  hệ thống hiển thị các menu và chức năng trên menu theo phân quyền của người dùng đăng nhập   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thiếu thông tin bắt buộc hoặc/và nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.1.7 Tích hợp đồng bộ người dùng - đơn vị

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_03.02 | Tích hợp đồng bộ người dùng – đơn vị | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép hệ thống đồng bộ 1 chiều người dùng – đơn vị từ site workplace về hệ thống HDDT của Hệ sinh thái   * **Thông tin đầu vào:**   Khách hàng thêm mới người dùng trên site workplace *(Khách hàng là chủ doanh nghiệp, đã đăng nhập site workplace và đã mua gói cước HDDT SME của Hệ sinh thái)*   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng và đơn vị được đồng bộ từ site workplace về hệ thống HDDT SME của Hệ sinh thái   * **Chức năng xử lý:**   + Khi khách hàng đăng ký sử dụng HDDT trên site workplace, workplace sẽ gửi bản tin đăng ký có mã “CREATE\_SUBSCRIPTION”  với thông tin của doanh nghiệp và danh sách người dùng trong doanh nghiệp sang cho hệ thống HDDT  + Hệ thống HDDT thực hiện xử lý bản tin -> Tạo doanh nghiệp, tạo dữ liệu mặc định cho doanh nghiệp -> Tạo người dùng theo danh sách người dùng có quyền sử dụng HDDT nhận được -> Gán người dùng với doanh nghiệp vừa tạo  + Khi người dùng có cập nhật thông tin doanh nghiệp trên workplace, workplace sẽ gửi bản tin với mã “UPDATE\_SME” xuống hệ thống HDDT. Hệ thống thực hiện xử lý bản tin và update thông tin doanh nghiệp theo bản tin mới được gửi  + Khi có sự thay đổi người dùng sử dụng hệ thống HDDT (thêm mới hoặc xóa đi), workplace thực hiện gửi bản tin “CHECK\_EMPLOYEES” xuống HDDT. Hệ thống thực hiện thêm mới người dùng hoặc xóa người dùng khỏi doanh nghiệp   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Hệ thống |

### IV.1.8 Tích hợp đồng bộ người dùng - đơn vị - vai trò

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_03.03 | Tích hợp đồng bộ người dùng – đơn vị - vai trò | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép hệ thống đồng bộ 1 chiều người dùng – đơn vị - vai trò từ site workplace về hệ thống HDDT của Hệ sinh thái   * **Thông tin đầu vào:**   Khách hàng phân quyền user/admin dịch vụ cho người dùng *(Khách hàng là chủ doanh nghiệp, đã đăng nhập site workplace và đã mua gói cước HDDT SME của Hệ sinh thái)*   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng, đơn vị và vai trò được đồng bộ từ site workplace về hệ thống HDDT SME của Hệ sinh thái   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống HDDT mặc định 2 vai trò Admin và User khi 1 doanh nghiệp được tạo  + Khi có sự thay đổi về thông tin người dùng như gán quyền, bổ sung người dùng vào đơn vị, xóa người dùng khỏi đơn vị, workplace thực hiện gửi bản tin “CHECK\_EMPLOYEES” xuống hệ thống HDDT. Dựa trên trường thông tin IsAdmin = True/False trong list nhân viên sẽ gán tương ứng quyền Admin hay User cho người dùng trên hệ thống HDDT   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Hệ thống |

### IV.1.9 Điều hướng sản phẩm dịch vụ

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_03.10 | Điều hướng sản phẩm dịch vụ | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng điều hướng sản phẩm dịch vụ   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng chọn icon điều hướng sản phẩm dịch vụ   * **Thông tin đầu ra:**   Người dùng được chuyển đến trang HDDT của Hệ sinh thái để thao tác các chức năng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup có icon của 3 sản phẩm dịch vụ sau:  + Hóa đơn điện tử: khi người dùng nhấn vào tên hoặc icon của HDDT sẽ điều hướng sang trang HDDT của Hệ sinh thái  + Kế toán: khi người dùng nhấn vào tên hoặc icon của Kế toán sẽ điều hướng sang trang Kế toán của Hệ sinh thái  + Ký số: khi người dùng nhấn vào tên hoặc icon của ký số sẽ điều hướng sang trang Ký số của Hệ sinh thái  Khi hệ thống đang hiện popup điều hướng sản phẩm dịch vụ, nếu người dùng click chuột ra ngoài popup thì popup sẽ được đóng lại   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

## Cấu hình hóa đơn

### IV.2.1 Kết nối HDDT

Có 2 trường hợp như sau:

* Trường hợp 1: Đối với đơn vị mua dịch vụ Hóa đơn điện tử từ Hệ sinh thái, các thông tin trên màn hình Thiết lập thông tin kết nối hệ thống HDDT được tự động hiển thị. Người dùng không cần điền vào các thông tin này.
* Trường hợp 2: Đối với đơn vị trước đó đã sử dụng dịch vụ VNPT Invoice, màn hình Thiết lập thông tin kết nối hệ thống HDDT ban đầu chưa có dữ liệu gì. Người dùng cần điền các dữ liệu có được từ hệ thống VNPT Invoice và điền vào form thiết lập để tiến hành tích hợp hệ thống đang sử dụng với hệ thống VNPT Invoice đã dùng trước đó.

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_041.06.01 | Xem kết nối HDDT | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng xem thông tin kết nối (kết nối giữa hệ thống đang dùng với hệ thống VNPT Invoice/dịch vụ HDDT trong Hệ sinh thái) * **Thông tin đầu vào:**   + Đối với trường hợp 1 (đơn vị mua dịch vụ HDDT của Hệ sinh thái): thông tin được hệ thống tự động sinh ra dựa trên dữ liệu tạo lập khi đơn vị mua dịch vụ phần mềm  + Đối với trường hợp 2 (đơn vị trước đó đã sử dụng dịch vụ VNPT Invoice): thông tin do người dùng tự nhập vào – lấy từ hệ thống VNPT Invoice, gồm các trường thông tin sau:  + CUS ID \*  + URL \*  + URL portal serice \*  + Tên đăng nhập \*  + URL publish service \*  + URL tra cứu \*  + Mật khẩu \*  + URL business service\*   * **Thông tin đầu ra:**   Hệ thống hiển thị các trường thông tin sau:  + CUS ID  + URL  + URL portal serice  + Tên đăng nhập  + URL publish service  + URL tra cứu  + Mật khẩu  + URL business service   * **Chức năng xử lý:**   + Đối với trường hợp 1 (đơn vị mua dịch vụ HDDT của Hệ sinh thái): hệ thống tự động hiển thị thông tin trên màn hình  + Đối với trường hợp 2 (đơn vị trước đó đã sử dụng dịch vụ VNPT Invoice): hệ thống tiến hành kết nối với hệ thống VNPT Invoice nếu các trường thông tin do người dùng nhập vào là hợp lệ   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống báo lỗi kết nối với hệ thống VNPT Invoice nếu các trường thông tin do người dùng nhập vào là không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_041.06.02 | Sửa kết nối HDDT | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng sửa thông tin kết nối (kết nối giữa hệ thống đang dùng với hệ thống VNPT Invoice/dịch vụ HDDT trong Hệ sinh thái) * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng có thể chỉnh sửa các trường thông tin sau:  + CUS ID \*  + URL \*  + URL portal serice \*  + Tên đăng nhập \*  + URL publish service \*  + URL tra cứu \*  + Mật khẩu \*  + URL business service\*   * **Thông tin đầu ra:**   Các trường thông tin chỉnh sửa được lưu lại và hiển thị trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu lại các cập nhật của người dùng và hiển thị các thông tin cập nhật mới nhất   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.2.2 Thông tin doanh nghiệp

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_041.05.01 | Xem thông tin doanh nghiệp | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng xem thông tin doanh nghiệp * **Thông tin đầu vào:**   + Đối với trường hợp 1 (đơn vị mua dịch vụ HDDT của Hệ sinh thái): thông tin được hệ thống tự động sinh ra dựa trên dữ liệu tạo lập khi đơn vị mua dịch vụ phần mềm  + Đối với trường hợp 2 (đơn vị trước đó đã sử dụng dịch vụ VNPT Invoice): thông tin đầu vào được lấy từ hệ thống VNPT Invoice qua chức năng đồng bộ   * **Thông tin đầu ra:**   Các trường thông tin sau được hiển thị trên màn hình:  +Mã số thuế  +Tên doanh nghiệp  + Người đại diện  + Email  + Số điện thoại  + Tỉnh/thành phố  + Người liên hệ  + Địa chỉ kinh doanh  + Tên ngân hàng  + Chủ tài khoản  + Số tài khoản   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu lại các cập nhật của người dùng và hiển thị các thông tin cập nhật mới nhất   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_041.05.02 | Sửa thông tin doanh nghiệp | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng sửa thông tin doanh nghiệp * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng có thể chỉnh sửa các trường thông tin sau:  +Tên doanh nghiệp \*  + Người đại diện \*  + Email \*  + Số điện thoại \*  + Tỉnh/thành phố \*  + Người liên hệ  + Địa chỉ kinh doanh \*  + Tên ngân hàng  + Chủ tài khoản  + Số tài khoản   * **Thông tin đầu ra:**   Các trường thông tin chỉnh sửa được lưu lại và hiển thị trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 3 | UR\_HDDT\_041.05.03 | Đồng bộ thông tin từ hệ thống VNPT Invoice | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng đồng bộ thông tin doanh nghiệp từ hệ thống VNPT Invoice * **Thông tin đầu vào:**   Các trường thông tin được đồng bộ gồm có:  +Tên doanh nghiệp  + Người đại diện  + Email  + Số điện thoại  + Tỉnh/thành phố  + Người liên hệ  + Địa chỉ kinh doanh  + Tên ngân hàng  + Chủ tài khoản  + Số tài khoản   * **Thông tin đầu ra:**   Toàn bộ các trường thông tin đồng bộ được lưu lại và hiển thị trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu lại và hiển thị các thông tin được đồng bộ   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.2.3 Đăng ký tờ khai ĐK01 sử dụng HDDT

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_041.01.01 | Danh sách tờ khai | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng xem danh sách tờ khai * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu tờ khai có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Tên người nộp thuế  + Loại tờ khai: Đăng ký mới/Thay đổi thông tin  + Ngày lập: ngày/tháng năm; giờ/phút  + Mã giao dịch: hệ thống tự động sinh ra  + Trạng thái: Bản nháp/Đã có kết quả  + Kết quả từ CQT: Chấp nhận/Chờ phản hồi  + Lý do  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Sửa: chỉnh sửa tờ khai  + Gửi: gửi tờ khai tới CQT  + Đồng bộ: đồng bộ kết quả phản hồi hóa đơn từ CQT  + Xem: xem chi tiết tờ khai  + Export XML: xuất tờ khai định dạng XML  + Copy: tạo tờ khai mới từ tờ khai gốc  + Xóa: xóa tờ khai khỏi hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị danh sách tờ khai   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_041.01.02 | Thêm mới tờ khai đăng ký | **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng đăng ký sử dụng/đăng ký thay đổi thông tin về hóa đơn điện tử của hộ cá nhân kinh doanh với cơ quan thuế.   * **Thông tin đầu vào:**   Các trường thông tin cần điền gồm có:  + Tên người nộp thuế \*: Hệ thống lấy theo thông tin khi đơn vị đăng ký tài khoản  + Mã số thuế \*: Hệ thống lấy theo thông tin khi đơn vị đăng ký tài khoản  + Người liên hệ \*: Người dùng tự nhập  + Địa chỉ liên hệ \*: Người dùng tự nhập *(lưu ý: dùng địa chỉ đăng ký trên Giấy phép kinh doanh)*  + Thư điện tử \*: Người dùng tự nhập  + Điện thoại liên hệ \*: Người dùng tự nhập  + Địa danh \*:  + CQT quản lý \*: người dùng chọn 1 cơ quan thuế quản lý trực tiếp để gửi tờ khai, hóa đơn  + Mã CQT quản lý \*: hệ thống tự động hiển thị khi người dùng chọn CQT quản lý  + Thông tin nghị định \*: hệ thống tự động hiển thị  + Hình thức hóa đơn \*: người dùng có thể chọn các hình thức sau: Không có mã của cơ quan thuế; Có mã của cơ quan thuế; Có mã khởi tạo từ máy tính tiền  + Phương thức gửi dữ liệu hóa đơn điện tử \*: người dùng chọn 1 trong 2 phương thức sau: Chuyển đầy đủ; Chuyển bảng tổng hợp  + Đăng ký giao dịch qua \*: người dùng chọn 1 trong các phương thức: Chuyển dữ liệu qua tổ chức truyền nhận;…  + Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã không phải trả tiền dịch vụ \*: người dùng chọn 1 trong các trường hợp sau: Có; Không  + Hình thức gửi dữ liệu hóa đơn điện tử \*: người dùng chọn 1 trong các loại sau: NNT địa bàn khó khăn; NNT khác theo đề nghị UBND  + Loại hóa đơn sử dụng \*: người dùng chọn 1 trong các loại sau: Hóa đơn GTGT; Hóa đơn bán hàng; Hóa đơn bán tài sản công; Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia,…  + Loại tờ khai \*: người dùng chọn 1 trong các loại sau: Đăng ký mới; Thay đổi thông tin  + Thông tin chứng thư ký số: người dùng chọn chứng thư để sử dụng trong danh sách chứng thư có sẵn. Với chứng thư token, NSD cắm token để lấy thông tin chứng thư.   * **Thông tin đầu ra:**   Các trường thông tin người dùng nhập vào được lưu lại trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   + Lưu tờ khai: Hệ thống lưu lại các thông tin người dùng nhập vào và trạng thái tờ khai là “Nháp”  + Hủy tờ khai: Hủy bỏ việc thêm tờ khai   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 3 | UR\_HDDT\_041.01.03 | Sửa tờ khai đăng ký | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng sửa thông tin tờ khai * **Thông tin đầu vào:**   *Lưu ý: chỉ sửa được thông tin tờ khai ở trạng thái “Nháp”*  Người dùng có thể chỉnh sửa các trường thông tin như chức năng Thêm mới tờ khai (ngoại trừ trường Mã số thuế)   * **Thông tin đầu ra:**   Các trường thông tin chỉnh sửa được lưu lại và hiển thị trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 4 | UR\_HDDT\_041.01.04 | Xóa tờ khai | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng xóa các tờ khai ở trạng thái “Nháp” khỏi hệ thống * **Thông tin đầu vào:**   Người sử dụng nhấn icon nút xóa tại bản ghi tờ khai muốn xóa   * **Thông tin đầu ra:**   Tờ khai bị xóa khỏi hệ thống và không hiển thị trên danh sách tờ khai   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận trước khi xóa “Bạn có chắc chắn muốn xóa bản ghi không?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý xóa tờ khai) hoặc “Không” (hủy việc xóa tờ khai)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 5 | UR\_HDDT\_041.01.05 | Sao chép tờ khai | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng sao chép tờ khai đã có trên hệ thống thành 1 tờ khai mới * **Thông tin đầu vào:**   Người sử dụng nhấn icon nút Copy tại bản ghi tờ khai muốn sao chép   * **Thông tin đầu ra:**   Tờ khai mới được sao chép từ tờ khai gốc, ngoại trừ các trường sau: Tình trạng tờ khai; Tình trạng đồng bộ CQT   * **Chức năng xử lý:**   + Lưu: người dùng lưu thông tin tờ khai theo nội dung đã sao chép. Việc validate dữ liệu khi lưu tương tự chức năng Thêm mới tờ khai.  + Hủy: hủy yêu cầu sao chép tờ khai   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 6 | UR\_HDDT\_041.01.06 | Xem tờ khai | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết tờ khai   * **Thông tin đầu vào:**   Người sử dụng nhấn icon nút Xem tại bản ghi tờ khai muốn sao chép   * **Thông tin đầu ra:**   Thông tin chi tiết tờ khai được hiển thị dưới dạng Biểu mẫu tờ khai 01/ĐK-HDDT   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết tờ khai   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 7 | UR\_HDDT\_041.01.07 | Đồng bộ kết quả phản hồi hóa đơn từ CQT | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng đồng bộ kết quả phản hổi hóa đơn từ CQT   * **Thông tin đầu vào:**   Người sử dụng nhấn icon nút Đồng bộ tại bản ghi tờ khai muốn đồng bộ   * **Thông tin đầu ra:**   Kết quả phản hồi từ CQT được đồng bộ về hệ thống (1 trong 2 kết quả sau: Chấp nhận; Không chấp nhận)   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống đồng bộ kết quả phản hồi hóa đơn từ CQT. *Lưu ý: hệ thống chỉ đồng bộ khi tờ khai có tình trạng là chưa đồng bộ và trạng thái tờ khai là “Đã gửi”.*   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 8 | UR\_HDDT\_041.01.08 | Xuất tờ khai dưới dạng file XML | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xuất tờ khai dưới dạng file XML về thiết bị   * **Thông tin đầu vào:**   Người sử dụng nhấn icon nút Export XML tại tờ khai muốn xuất file   * **Thông tin đầu ra:**   File định dạng XML của tờ khai được lưu về thiết bị của người dùng. *Lưu ý: cấu trúc XML tuân theo quy định theo TT 1405 của Bộ Tài chính.*   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống xuất dữ liệu tờ khai theo định dạng XML theo chuẩn HDDT quy định và cho phép người dùng tải file xuống   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 9 | UR\_HDDT\_041.01.09 | Gửi tờ khai tới CQT | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gửi tờ khai thuế đăng ký sử dụng HDDT tới cơ quan thuế   * **Thông tin đầu vào:**   Người sử dụng nhấn icon nút Gửi tại tờ khai muốn gửi   * **Thông tin đầu ra:**   Tờ khai đăng ký sử dụng HDDT được gửi tới CQT   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống chỉ xử lý với các tờ khai ở trạng thái “Nháp”  Hệ thống hiển thị danh sách chứng thư số để khách hàng chọn.  + Nếu người dùng chọn loại chứng thư là token => popup danh sách token đang có trên thiết bị hiện ra. Người dùng chọn 1 token muốn sử dụng  + Nếu người dùng chọn loại chứng thư là smartCA => Thời gian xác nhận ký là 3 phút, quá 3 phút mà người dùng chưa xác nhận ký số thì hệ thống hiển thị thông báo “Đã quá thời gian xác thực chữ ký số, vui lòng thử lại.”   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.2.4 Cấu hình chứng thư số

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_041.04.01 | Danh sách chứng thư số | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng xem danh sách chứng thư số và tìm kiếm chứng thư số * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu chứng thư số có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Họ và tên  + Loại chứng thư: Token/SmartCA  + Đơn vị phát hành:  + Serial chứng thư:  + Ngày hiệu lực: ngày/tháng/năm  + Ngày hết hạn: ngày/tháng/năm  + Tình trạng: Đã đăng ký (mới được thêm vào hệ thống)/Đã được phê duyệt (chứng thư số khai báo trong tờ khai và tờ khai được phê duyệt)/Ngưng sử dụng  + Hình thức đăng ký: Đăng ký mới/Gia hạn  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Xóa: xóa chứng thư khỏi hệ thống  + Cập nhật trạng thái: Ngưng hoặc Tiếp tục sử dụng  + Tìm kiếm: tìm kiếm chứng thư số qua từ khóa của Mẫu số, Tên mẫu hóa đơn, Loại mẫu hóa đơn, Loại hóa đơn, Ngày tạo, Tình trạng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị danh sách chứng thư số   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_041.04.02 | Thêm mới chứng thư số | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng thêm mới chứng thư số (chứng thư sẽ dùng để ký số trên hệ thống)   * **Thông tin đầu vào:**   Người sử dụng nhập vào các trường thông tin sau:  + Loại chứng thư \*: người dùng chọn 1 trong 2 loại sau: SmartCA; Token  + Tên đăng nhập \*: người dùng tự nhập (đối với SmartCA)  + Mật khẩu \*: người dùng tự nhập (đối với SmartCA)  Nếu là token thì cần cắm token vào máy và thực hiện lấy thông tin từ token để cấu hình   * **Thông tin đầu ra:**   Thông tin chứng thư được lưu vào hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   + Xác thực chứng thư: nếu Tên đăng nhập và Mật khẩu của smart CA không chính xác thì cảnh báo “Thông tin tài khoản không chính xác”  + Lưu: Lưu thông tin chứng thư vào hệ thống   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 3 | UR\_HDDT\_041.04.03 | Xóa chứng thư số | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xóa chứng thư số khỏi hệ thống   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Xóa tại chứng thư muốn xóa   * **Thông tin đầu ra:**   Chứng thư bị xóa khỏi hệ thống và không hiển thị trên danh sách chứng thư   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc xóa “Quý khách chắc chắn muốn xóa chứng thư?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý xóa chứng thư) hoặc “Không” (hủy việc xóa chứng thư)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 4 | UR\_HDDT\_041.04.04 | Ngừng sử dụng chứng thư số | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng tạm ngừng sử dụng chứng thư số   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Cập nhật trạng thái tại chứng thư muốn ngừng sử dụng   * **Thông tin đầu ra:**   Chứng thư tạm ngừng sử dụng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc xóa “Quý khách chắc chắn muốn ngừng sử dụng chứng thư?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý ngừng sử dụng chứng thư) hoặc “Không” (hủy việc ngừng sử dụng chứng thư)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 5 | UR\_HDDT\_041.04.05 | Tiếp tục sử dụng chứng thư số | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng tiếp tục sử dụng chứng thư số   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Cập nhật trạng thái tại chứng thư muốn tiếp tục sử dụng   * **Thông tin đầu ra:**   Chứng thư tạm ngừng sử dụng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc xóa “Quý khách chắc chắn muốn tiếp tục sử dụng chứng thư?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý tiếp tục sử dụng chứng thư) hoặc “Không” (hủy việc tiếp tục sử dụng chứng thư)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 6 | UR\_HDDT\_041.04.06 | Đồng bộ chứng thư số từ hệ thống VNPT Invoice | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng đồng bộ toàn bộ chứng thư số từ hệ thống VNPT Invoice về hệ thống đang dùng   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút “Đồng bộ CTS từ Invoice” trên màn hình   * **Thông tin đầu ra:**   Toàn bộ chứng thư số từ hệ thống VNPT Invoice sẽ được đồng bộ thông tin về hệ thống hiện tại   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc đồng bộ “Quý khách có muốn đồng bộ toàn bộ CTS từ Invoice về hệ thống?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý đồng bộ) hoặc “Không” (hủy việc đồng bộ)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.2.5 Quản lý mẫu hóa đơn

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_041.03.01 | Danh sách mẫu hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng xem danh sách mẫu hóa đơn và tìm kiếm mẫu hóa đơn * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu mẫu hóa đơn có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Mẫu số  + Tên mẫu hóa đơn  + Loại mẫu hóa đơn  + Loại hóa đơn  + Ngày tạo  + Tình trạng  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Xem: xem chi tiết mẫu hóa đơn  + Cập nhật trạng thái: ngừng/tiếp tục dùng mẫu hóa đơn  + Cập nhật file: chọn 1 file để cập nhật mẫu hóa đơn  + Cập nhật ảnh: cập nhật logo công ty, hình nền, ảnh viền,…  + Download  + Xóa: xóa mẫu hóa đơn khỏi hệ thống  + Tìm kiếm: tìm kiếm chứng thư số qua từ khóa của Mẫu số, Tên mẫu hóa đơn, Loại mẫu hóa đơn, Loại hóa đơn, Ngày tạo, Tình trạng   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách chứng thư số.  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang.   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_041.03.02 | Thêm mới mẫu hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng áp dụng mẫu hóa đơn sẽ dùng dựa trên các mẫu có sẵn của hệ thống   * **Thông tin đầu vào:**   Danh sách các mẫu hóa đơn có sẵn trên hệ thống, chia làm 3 loại: Hóa đơn điện tử; Hóa đơn máy tính tiền; Hóa đơn GTGT  Người dùng có thể xem chi tiết hoặc tải xuống mẫu hóa đơn trước áp dụng mẫu nào đó thành mẫu hóa đơn muốn sử dụng   * **Thông tin đầu ra:**   Mẫu hóa đơn được chọn áp dụng sẽ được thêm vào danh sách mẫu hóa đơn sẽ sử dụng trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   + Xem mẫu: hiển thị biểu mẫu hóa đơn có sẵn để người dùng xem trước khi lựa chọn  + Áp dụng mẫu: chuyển mẫu của hệ thống thành mẫu đơn vị sẽ sử dụng   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 3 | UR\_HDDT\_041.03.03 | Xem chi tiết mẫu hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết mẫu hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Mẫu hóa đơn có sẵn trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Hiển thị biểu mẫu dạng pdf của hóa đơn   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị biểu mẫu hóa đơn   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 4 | UR\_HDDT\_041.03.04 | Ngừng sử dụng mẫu hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng ngừng sử dụng mẫu hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Mẫu hóa đơn có sẵn trên hệ thống ở tình trạng “Đang sử dụng”  Người dùng nhấn icon nút Cập nhật trạng thái tại chứng thư muốn ngừng sử dụng   * **Thông tin đầu ra:**   Mẫu hóa đơn chuyển sang tình trạng “Ngừng sử dụng” và người dùng sẽ không thể phát hành mẫu hóa đơn này   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc ngừng “Quý khách chắc chắn muốn ngừng sử dụng mẫu hóa đơn?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý ngừng sử dụng mẫu hóa đơn) hoặc “Không” (hủy việc ngừng sử dụng mẫu hóa đơn)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 5 | UR\_HDDT\_041.03.05 | Tiếp tục sử dụng mẫu hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng tiếp tục sử dụng mẫu hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Mẫu hóa đơn có sẵn trên hệ thống ở tình trạng “Ngừng sử dụng”  Người dùng nhấn icon nút Cập nhật trạng thái tại mẫu hóa đơn muốn tiếp tục sử dụng   * **Thông tin đầu ra:**   Mẫu hóa đơn tiếp tục được sử dụng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc tiếp tục “Quý khách chắc chắn muốn tiếp tục sử dụng mẫu hóa đơn?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý tiếp tục sử dụng mẫu hóa đơn) hoặc “Không” (hủy việc tiếp tục sử dụng mẫu hóa đơn)   * **Các ngoại lệ:**   Không có |  |  |  |
| 6 | UR\_HDDT\_041.03.06 | Xóa mẫu hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xóa mẫu hóa đơn khỏi hệ thống   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Xóa tại mẫu hóa đơn muốn xóa   * **Thông tin đầu ra:**   Mẫu hóa đơn bị xóa khỏi hệ thống và không hiển thị trên danh sách mẫu hóa đơn   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc xóa “Quý khách chắc chắn muốn xóa mẫu hóa đơn?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý xóa mẫu hóa đơn) hoặc “Không” (hủy việc xóa mẫu hóa đơn)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 7 | UR\_HDDT\_041.03.07 | Tải về mẫu hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng tải mẫu hóa đơn về thiết bị   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Tải về tại mẫu hóa đơn muốn tải về   * **Thông tin đầu ra:**   Mẫu hóa đơn được tải về thiết bị dưới dạng file XML, XLST, XSD   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống cho phép người dùng tải về và lưu về thiết bị file mẫu hóa đơn   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 8 | UR\_HDDT\_041.03.08 | Cập nhật ảnh | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng cập nhật logo công ty, hình nền, ảnh viền của mẫu hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Cập nhật ảnh tại mẫu hóa đơn muốn cập nhật  Các nội dung có thể cập nhật gồm:  + Logo công ty: dung lượng tối đa 300KB, định dạng jpg, jpeg, png  + Hình nền: dung lượng tối đa 300KB, định dạng jpg, jpeg, png  + Ảnh viền: dung lượng tối đa 300KB, định dạng jpg, jpeg, png   * **Thông tin đầu ra:**   Các thông tin cập nhật mẫu hóa đơn được lưu trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu lại các thông tin cập nhật mẫu hóa đơn   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 9 | UR\_HDDT\_041.03.09 | Cập nhật file | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng cập nhật hóa đơn bằng cách thay thế file biểu mẫu hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Cập nhật file tại mẫu hóa đơn muốn cập nhật  Các file cập nhật ở định dạng: XML, XLST, XSD   * **Thông tin đầu ra:**   File biểu mẫu thay thế được lưu trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu lại các thông tin cập nhật mẫu hóa đơn   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 10 | UR\_HDDT\_041.03.10 | Đồng bộ mẫu hóa đơn từ VNPT Invoice | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng đồng bộ toàn bộ mẫu hóa đơn từ hệ thống VNPT Invoice về hệ thống đang dùng   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút “Đồng bộ mẫu hóa đơn từ Invoice” trên màn hình   * **Thông tin đầu ra:**   Toàn bộ mẫu hóa đơn từ hệ thống VNPT Invoice sẽ được đồng bộ thông tin về hệ thống hiện tại   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc đồng bộ “Quý khách có muốn đồng bộ toàn bộ mẫu hóa đơn từ Invoice về hệ thống?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý đồng bộ) hoặc “Không” (hủy việc đồng bộ)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.2.6 Quản lý dải hóa đơn

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_041.02.01 | Xem danh sách dải hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng xem danh sách dải hóa đơn và tìm kiếm dải hóa đơn * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu dải hóa đơn có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Mẫu hóa đơn  + Dải ký hiệu  + Số lượng  + Trạng thái  + Ngày tạo  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Xem: xem chi tiết mẫu hóa đơn  + Gia hạn:  + Cập nhật tình trạng: Sử dụng/Ngừng sử dụng  + Xóa: xóa dải hóa đơn khỏi hệ thống  + Nút Tìm kiếm chung: tìm kiếm qua từ khóa người dùng nhập vào  + Nút Tìm kiếm dưới mỗi trường thông tin: tìm kiếm chứng thư số qua từ khóa của Mẫu hóa đơn, Dải ký hiệu, Số lượng, Trạng thái, Ngày tạo   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách dải hóa đơn  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_041.02.02 | Thêm mới dải hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng thêm mới dải hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhập vào các trường thông tin sau:  + Loại hóa đơn \*: chọn 1 trong 3 loại sau: Hóa đơn điện tử; Hóa đơn máy tính tiền; Hóa đơn GTGT  + Mẫu hóa đơn \*: chọn 1 mẫu trong danh sách có sẵn trên hệ thống  + Hình thức hóa đơn \*: chọn 1 trong 3 loại sau: Có mã từ CQT; Không có mã từ CQT; Có mã từ MTT  + Năm sử dụng \*: người dùng tự nhập  + Loại hình kinh doanh \*: chọn 1 trong các loại hình có sẵn trên hệ thống  + Ký hiệu \*: người dùng tự nhập  + Dải ký hiệu: hệ thống tự động sinh ra  + Số lượng \*: người dùng tự nhập   * **Thông tin đầu ra:**   Dải hóa đơn được thêm vào danh sách dải hóa đơn   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu dải hóa đơn mới vào cơ sở dữ liệu   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 3 | UR\_HDDT\_041.02.03 | Ngừng sử dụng dải hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng ngừng sử dụng dải hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Dải hóa đơn có sẵn trên hệ thống ở tình trạng “Đang sử dụng”  Người dùng nhấn icon nút Cập nhật trạng thái tại dải hóa đơn muốn ngừng sử dụng   * **Thông tin đầu ra:**   Dải hóa đơn chuyển sang tình trạng “Ngừng sử dụng” và người dùng sẽ không thể phát hành hóa đơn với dải hóa đơn này   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc ngừng “Quý khách chắc chắn muốn ngừng sử dụng dải hóa đơn?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý ngừng sử dụng dải hóa đơn) hoặc “Không” (hủy việc ngừng sử dụng dải hóa đơn)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 4 | UR\_HDDT\_041.02.04 | Tiếp tục sử dụng dải hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng tiếp tục sử dụng dải hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Dải hóa đơn có sẵn trên hệ thống ở tình trạng “Ngừng sử dụng”  Người dùng nhấn icon nút Cập nhật trạng thái tại dải hóa đơn muốn tiếp tục sử dụng   * **Thông tin đầu ra:**   Dải hóa đơn tiếp tục được sử dụng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc tiếp tục dùng “Quý khách chắc chắn muốn tiếp tục sử dụng dải hóa đơn?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý tiếp tục sử dụng dải hóa đơn) hoặc “Không” (hủy việc tiếp tục sử dụng dải hóa đơn)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 5 | UR\_HDDT\_041.02.05 | Xóa dải hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xóa dải hóa đơn khỏi hệ thống   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Xóa tại dải hóa đơn muốn xóa   * **Thông tin đầu ra:**   Dải hóa đơn bị xóa khỏi hệ thống và không hiển thị trên danh sách dải hóa đơn   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc xóa “Quý khách chắc chắn muốn xóa dải hóa đơn?”. Người dùng có thể chọn “Có” (đồng ý xóa dải hóa đơn) hoặc “Không” (hủy việc xóa dải hóa đơn)   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 6 | UR\_HDDT\_041.02.06 | Gia hạn dải hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gia hạn để tiếp tục sử dụng dải hóa đơn sau khi hết số lượng đăng ký ban đầu   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhập số lượng hóa đơn muốn gia hạn thêm   * **Thông tin đầu ra:**   Dải hóa đơn được cộng thêm số lượng đăng ký gia hạn   * **Chức năng xử lý:**   + Lưu: cập nhật thêm số lượng hóa đơn vào tổng số lượng của dải  + Hủy: hủy gia hạn hóa đơn   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 7 | UR\_HDDT\_041.02.07 | Đồng bộ mẫu số, ký hiệu | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng đồng bộ dải hóa đơn và mẫu hóa đơn từ hệ thống VNPT Invoice về hệ thống hiện tại   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút “Đồng bộ dải ký hiệu và mẫu số” trên màn hình   * **Thông tin đầu ra:**   Dải hóa đơn và mẫu hóa đơn được đồng bộ từ hệ thống VNPT Invoice về hệ thống hiện tại   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống đồng bộ thông tin dải hóa đơn và mẫu hóa đơn từ hệ thống VNPT Invoice về hệ thống hiện tại   * **Các ngoại lệ:**   Trường hợp hệ thống hiện tại không gọi API thành công để đồng bộ dữ liệu thì hệ thống hiển thị thông báo lỗi | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

## Xử lý hóa đơn

### IV.3.1 Quản lý hóa đơn

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_042.01.01 | Xem danh sách hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách hóa đơn và tìm kiếm hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu hóa đơn có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Mã cơ quan thuế  + Tên đơn vị mua hàng  + Tên người mua hàng  + Tổng tiền thanh toán  + Ngày phát hành  + Trạng thái hóa đơn  + Trạng thái gửi CQT  + File đính kèm  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Xem: xem chi tiết hóa đơn  + Sửa: chỉnh sửa hóa đơn  + Copy: tạo hóa đơn mới từ hóa đơn đã có  + Xóa: xóa hóa đơn khỏi hệ thống  + Nút Tìm kiếm dưới mỗi trường thông tin: tìm kiếm hóa đơn qua từ khóa  Chức năng tìm kiếm hóa đơn:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Từ ngày…Đến ngày: chọn ngày trên lịch có sẵn  + Mã số thuế: tự nhập  + Mẫu số: chọn 1 mẫu số trên danh sách có sẵn  + Ký hiệu: chọn 1 dải ký hiệu trên danh sách có sẵn  + Trạng thái hóa đơn: chọn 1 trạng thái trên danh sách có sẵn  + Tình trạng cấp mã: chọn 1 tình trạng cấp mã trên danh sách có sẵn  + Tên khách hàng: tự nhập  + Mã khách hàng: tự nhập   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 2 | UR\_HDDT\_042.01.02 | Thêm mới hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng thêm mới hóa đơn để ghi nhận doanh thu bán hàng của đơn vị   * **Thông tin đầu vào:**   Thông tin chung người dùng cần nhập vào gồm:  + Mẫu số hóa đơn \*  + Ký hiệu hóa đơn \*  + Tên hóa đơn \*  + Ngày hóa đơn  + Mã số thuế  + Tên đơn vị  + Địa chỉ \*  + Mã khách hàng  + Mã số thuế người mua hàng  + Tên đơn vị mua hàng  + Địa chỉ người mua hàng  + Tên người mua hàng  + Số điện thoại  + Email  + CMND/CCCD  + Số tài khoản  + Tên ngân hàng  + Hình thức thanh toán\*  + Loại tiền tệ \*  + Giảm 20% GTGT  Thông tin chi tiết người dùng cần nhập vào gồm:  + Tính chất \*  + Mã hàng  + Tên hàng \*  + ĐVT: đơn vị tính  + Số lượng:  + Đơn giá:  + Số tiền:  + C.Khấu (%)  + Tiền C.Khấu  + Giảm thuế GTGT  + Danh mục thuế suất  + Thuế GTGT (%)  + Tiền thuế  + Giảm trừ khác  + Tổng tiền   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn mới tạo được thêm vào danh sách dải hóa đơn   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu hóa đơn mới vào cơ sở dữ liệu   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 3 | UR\_HDDT\_042.01.03 | Sửa hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng chỉnh sửa hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Dải hóa đơn có sẵn trên hệ thống ở tình trạng “Chưa phát hành”  Người dùng nhấn icon nút Sửa tại hóa đơn muốn sửa  Các trường thông tin người dùng có thể sửa giống như các trường thông tin ở chức năng Thêm mới hóa đơn   * **Thông tin đầu ra:**   Các thông tin chỉnh sửa hợp lệ được lưu lại trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu lại các chỉnh sửa của người dùng   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán doanh nghiệp |
| 4 | UR\_HDDT\_042.01.04 | Sao chép hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:** Cho phép người dùng sao chép hóa đơn đã có trên hệ thống thành 1 hóa đơn mới * **Thông tin đầu vào:**   Người sử dụng nhấn icon nút Copy tại bản ghi hóa đơn muốn sao chép   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn mới được sao chép từ hóa đơn gốc   * **Chức năng xử lý:**   + Lưu: hệ thống lưu thông tin hóa đơn theo nội dung đã sao chép. Việc validate dữ liệu khi lưu tương tự chức năng Thêm mới hóa đơn.  + Hủy: hủy yêu cầu sao chép hóa đơn   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Nhân viên kế toán doanh nghiệp |
| 5 | UR\_HDDT\_042.01.05 | Xóa hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xóa các hóa đơn lập sai khi hóa đơn này chưa được phát hành   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút Xóa tại hóa đơn muốn xóa. Chỉ xóa được hóa đơn ở trạng thái “Chưa phát hành”   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn bị xóa khỏi hệ thống và không hiển thị trên danh sách   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận xóa  + Người dùng chọn “Có”: đồng ý xóa  + Người dùng chọn “Không”: hủy việc xóa   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 6 | UR\_HDDT\_042.01.06 | Phát hành hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng phát hành hóa đơn tới KH   * **Thông tin đầu vào:**   + Người dùng nhấn icon nút “Phát hành hóa đơn” tại hóa đơn đang ở trạng thái ‘Chưa phát hành”  + Thông tin chứng thư số đã đăng ký sử dụng với CQT   * **Thông tin đầu ra:**   Yêu cầu phát hành hóa đơn được gửi tới CQT   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống gửi yêu cầu phát hành hóa đơn tới CQT   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống kiểm tra và hiển thị cảnh báo khi:  + Tên đăng nhập/mật khẩu của chứng thư số không đúng  + Chứng thư số hết hạn | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 7 | UR\_HDDT\_042.01.07 | Phát hành hóa đơn theo lô | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng phát hành nhiều hóa đơn cùng lúc   * **Thông tin đầu vào:**   + Người dùng chọn các hóa đơn ở trạng thái “Chưa phát hành”  + Người dùng nhấn icon nút “Phát hành hóa đơn” trên màn hình  + Thông tin chứng thư số đã đăng ký sử dụng với CQT   * **Thông tin đầu ra:**   Yêu cầu phát hành hóa đơn được gửi tới CQT   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống gửi yêu cầu phát hành hóa đơn tới CQT   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống kiểm tra và hiển thị cảnh báo khi:  + Trong các hóa đơn người dùng chọn có 1 hoặc nhiều hóa đơn khác trạng thái “Chưa phát hành”  + Tên đăng nhập/mật khẩu của chứng thư số không đúng  + Chứng thư số hết hạn | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 8 | UR\_HDDT\_042.01.08 | Đồng bộ mã (kết quả) từ CQT | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng đồng bộ trạng thái gửi CQT của hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   + Người dùng nhấn icon nút “Đồng bộ” tại hóa đơn muốn đồng bộ   * **Thông tin đầu ra:**   Trạng thái gửi CQT và mã CQT (nếu có mã) được đồng bộ về hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống chỉ đồng bộ khi hóa đơn có tình trạng chưa đồng bộ và ở các trạng thái đã phát hành thành công   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 9 | UR\_HDDT\_042.01.09 | Xem chi tiết hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   + Người dùng nhấn icon nút “Xem chi tiết” tại hóa đơn muốn xem   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn hiện ra chi tiết   * **Chức năng xử lý:**   + Xem chi tiết hóa đơn: hệ thống gọi API sang bên HDDT để lấy link html view nội dung hóa đơn  + Tải file pdf hóa đơn: hệ thống cho phép người dùng tải file hóa đơn về thiết bị  + Thay thế hóa đơn: chức năng này hoạt động khi hóa đơn đang xem là hóa đơn gốc. Người dùng bấm vào nút “Thay thế” => hệ thống chuyển sang màn hình chức năng lập hóa đơn thay thế  + Điều chỉnh: chức năng này hoạt động khi hóa đơn đang xem là hóa đơn gốc. Điều chỉnh gồm có: Điều chỉnh tăng; Điều chỉnh giảm; Điều chỉnh thông tin  + Hủy hóa đơn: chức năng này hoạt động khi hóa đơn đang xem là hóa đơn gốc. Khi bấm vào nút Hủy bỏ thì chuyển sang màn hình chức năng hủy bỏ  + In hóa đơn: Khi người dùng nhấn vào icon nút In => hệ thống hiển thị cửa sổ in để người dùng tiếp tục thao tác  + Tải hóa đơn: Khi người dùng nhấn vào nút Tải hóa đơn thì cho phép tải file .zip (gồm file html và xml) đặt tên theo mẫu số\_ký hiệu\_số hóa đơn.   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |

### IV.3.2 Dữ liệu hóa đơn từ máy tính tiền

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_042.09.01 | Xem danh sách hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách hóa đơn và tìm kiếm hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu hóa đơn có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Mã cơ quan thuế cấp  + Tên đơn vị mua hàng  + Tên người mua hàng  + Tổng tiền  + Ngày hóa đơn  + Ngày phát hành  + Trạng thái hóa đơn  + Trạng thái gửi CQT  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Xem: xem chi tiết hóa đơn:  + Đồng bộ: đồng bộ trạng thái hóa đơn  + Gửi: gửi dữ liệu hóa đơn cho CQT  Chức năng tìm kiếm hóa đơn:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Từ ngày…Đến ngày: chọn ngày trên lịch có sẵn  + Mẫu số: chọn 1 mẫu số trên danh sách có sẵn  + Ký hiệu: chọn 1 dải ký hiệu trên danh sách có sẵn  + Trạng thái gửi CQT: chọn 1 trạng thái trên danh sách có sẵn   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 2 | UR\_HDDT\_042.09.02 | Gửi hóa đơn tới CQT | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gửi hóa đơn tới CQT   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Gửi” trên màn hình. Người dùng chỉ được tích chọn các hóa đơn có trạng thái gửi CQT là “Chưa gửi”   * **Thông tin đầu ra:**   Các hóa đơn được gửi tới CQT   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách chữ ký số có sẵn để người dùng chọn  + Hệ thống thực hiện gửi dữ liệu các hóa đơn đã được người dùng tích chọn   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị cảnh báo trong các trường hợp sau đây:  + Người dùng chưa chọn hóa đơn nào để gửi  + Các hóa đơn người dùng chọn gửi ở trạng thái “Đã gửi” | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 3 | UR\_HDDT\_042.09.03 | Xem chi tiết hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xem” tại hóa đơn muốn xem chi tiết.   * **Thông tin đầu ra:**   Link html hiển thị mẫu hóa đơn   * **Chức năng xử lý:**   + Xem chi tiết hóa đơn: hệ thống gọi API sang bên HDDT để lấy link html view nội dung hóa đơn  + Tải file pdf hóa đơn: hệ thống cho phép người dùng tải file hóa đơn về thiết bị  + Thay thế hóa đơn: chức năng này hoạt động khi hóa đơn đang xem là hóa đơn gốc. Người dùng bấm vào nút “Thay thế” => hệ thống chuyển sang màn hình chức năng lập hóa đơn thay thế  + Điều chỉnh: chức năng này hoạt động khi hóa đơn đang xem là hóa đơn gốc. Điều chỉnh gồm có: Điều chỉnh tăng; Điều chỉnh giảm; Điều chỉnh thông tin  + Hủy hóa đơn: chức năng này hoạt động khi hóa đơn đang xem là hóa đơn gốc. Khi bấm vào nút Hủy bỏ thì chuyển sang màn hình chức năng hủy bỏ  + In hóa đơn: Khi người dùng nhấn vào icon nút In => hệ thống hiển thị cửa sổ in để người dùng tiếp tục thao tác  + Tải hóa đơn: Khi người dùng nhấn vào nút Tải hóa đơn thì cho phép tải file .zip (gồm file html và xml) đặt tên theo mẫu số\_ký hiệu\_số hóa đơn.   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 4 | UR\_HDDT\_042.09.04 | Đồng bộ trạng thái hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng đồng bộ trạng thái gửi CQT của hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   + Người dùng nhấn icon nút “Đồng bộ” tại hóa đơn muốn đồng bộ   * **Thông tin đầu ra:**   Trạng thái gửi CQT và mã CQT (nếu có mã) được đồng bộ về hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống chỉ đồng bộ khi hóa đơn có tình trạng chưa đồng bộ và ở các trạng thái đã phát hành thành công   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |

### IV.3.3 Danh sách hóa đơn điều chỉnh

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_042.04.01 | Xem danh sách hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách hóa đơn và tìm kiếm hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu hóa đơn có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Ghi chú  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Xem: xem chi tiết hóa đơn  + Tạo biên bản: tạo và gửi biên bản cho người mua hàng  + Upload biên bản: upload biên bản file doc, docx, pdf  + Download biên bản:  Chức năng tìm kiếm hóa đơn:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Từ ngày…Đến ngày: chọn ngày trên lịch có sẵn  + Mẫu số: chọn 1 mẫu số trên danh sách có sẵn  + Ký hiệu: chọn 1 dải ký hiệu trên danh sách có sẵn  + Số hóa đơn bị điều chỉnh: tự nhập  + MST khách hàng: tự nhập  + Mã khách hàng: tự nhập  + Tên khách hàng: tự nhập   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 2 | UR\_HDDT\_042.04.02 | Thêm mới hóa đơn điều chỉnh tăng/giảm/thay đổi thông tin | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng thêm mới hóa đơn điều chỉnh   * **Thông tin đầu vào:**   Thông tin chung  hệ thống mặc định hiển thị các thông tin của hóa đơn gốc. Người dùng có thể chỉnh sửa lại 1 số trường thông tin được ghi chú dưới đây:  + Mẫu số hóa đơn \*: cho phép sửa  + Ký hiệu hóa đơn \*: cho phép sửa  + Tên hóa đơn \*: cho phép sửa  + Mã số thuế \*: không cho sửa  + Tên đơn vị \*: không cho sửa  + Địa chỉ \*: không cho sửa  + Ngày hóa đơn: cho phép sửa  + Mã khách hàng: cho phép sửa  + Mã số thuế người mua hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Tên đơn vị mua hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Địa chỉ người mua hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Tên người mua hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Số điện thoại: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Email người mua hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + CMND/CCCD: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Số tài khoản: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Tên ngân hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Hình thức thanh toán:  + Loại tiền tệ \*: người dùng chọn Việt Nam đồng/Đô la Mỹ  + Tỷ giá  + Giảm 20% GTGT  Thông tin chi tiết người dùng cần nhập vào gồm:  + STT  + Tính chất  + Vật tư hàng hóa  + Tên hàng hóa, dịch vụ  + Đơn vị tính  + Số lượng  + Đơn giá  + Số tiền  + Chiết khấu (%)  + Tiền chiết khấu  + Giảm thuế GTGT  + Danh mục thuế suất  + Thuế GTGT (%)  + Tiền thuế  + Giảm trừ khác  + Tổng tiền   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn được tạo có trạng thái hóa đơn điều chỉnh   * **Chức năng xử lý:**   + Lưu: Tạo các chứng từ hóa đơn điều chỉnh. Đồng thời hệ thống hiển thị popup để ký số phát hành hóa đơn  + Hủy: Hủy bỏ tạo hóa đơn điều chỉnh  + Sau khi lưu và phát hành: Hệ thống gửi thông tin sang HDDT để đồng bộ dữ liệu và gửi CQT, đồng thời lưu thông tin hóa đơn vào cơ sở dữ liệu và nhật ký truy cập   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 3 | UR\_HDDT\_042.04.03 | Thêm mới hóa đơn điều chỉnh không phát sinh hóa đơn mới | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng lập hóa đơn điều chỉnh không phát sinh hóa đơn mới (thường dùng trong trường hợp người dùng điều chỉnh 1 số thông tin ít quan trọng trên hóa đơn)   * **Thông tin đầu vào:**   Giao diện điều chỉnh gồm các trường thông tin sau:  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Nội dung xử lý: tự nhập  Người dùng tiến hành lập thông báo sai sót tại chức năng lập thông báo sai sót. Giao diện thêm mới Thông báo sai sót gồm các trường thông tin sau:  + Tên CQT  + Ngày thông báo  + Tên người nộp thuế  + Mã số thuế  + Địa danh  + Loại thông báo  + Thông tin hóa đơn: là thông tin của hóa đơn vừa xử lý hủy  + Mã CQT cấp  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Ngày hóa đơn  + Loại áp dụng  + Tính chất: Hủy/Giải trình/…  + Lý do   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn được tạo có trạng thái hóa đơn điều chỉnh   * **Chức năng xử lý:**   + Lưu: Hóa đơn điều chỉnh được lưu lại hệ thống. Hệ thống tạo mới thông báo sai sót  + Hủy: Hủy bỏ tạo hóa đơn điều chỉnh   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 4 | UR\_HDDT\_042.04.04 | Thêm mới hóa đơn điều chỉnh tăng/giảm/thay đổi thông tin không xác định hóa đơn gốc | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng lập hóa đơn điều chỉnh không xác định hóa đơn gốc trong các trường hợp:  + Hóa đơn gốc đã phát hành trên hệ thống khác VNPT HKD  + Hóa đơn gốc là loại hóa đơn giấy theo TT32, NĐ51…   * **Thông tin đầu vào:**   + Mẫu số (\*): tự nhập  + Ký hiệu (\*): tự nhập  + Số hóa đơn (\*): nhập text  + Ngày hóa đơn (\*): nhập dạng ngày tháng năm  + Loại hóa đơn có liên quan (\*)  + Kiểu điều chỉnh (\*)  Thông tin chung:  + Mẫu số hóa đơn (\*)  + Ký hiệu hóa đơn (\*)  + Tên hóa đơn (\*)  + Mã số thuế (\*)  + Tên đơn vị (\*)  + Địa chỉ (\*)  + Ngày hóa đơn  + Mã khách hàng  + Mã số thuế người mua hàng  + Tên đơn vị mua hàng  + Tên người mua hàng  + Địa chỉ người mua hàng  + Số điện thoại người mua hàng  + Email người mua hàng  + CMND/CCCD  + Số tài khoản  + Tên ngân hàng  + Hình thức thanh toán  + Loại tiền tệ \*: người dùng chọn Việt Nam đồng/Đô la Mỹ  + Tỷ giá  + Giảm 20% GTGT  Thông tin chi tiết: người dùng cần nhập vào gồm:  + STT  + Tính chất  + Vật tư hàng hóa  + Tên hàng hóa, dịch vụ  + Đơn vị tính  + Số lượng  + Đơn giá  + Số tiền  + Chiết khấu (%)  + Tiền chiết khấu  + Giảm thuế GTGT  + Danh mục thuế suất  + Thuế GTGT (%)  + Tiền thuế  + Giảm trừ khác  + Tổng tiền   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn được tạo có trạng thái hóa đơn điều chỉnh   * **Chức năng xử lý:**   + Lưu: Tạo các chứng từ hóa đơn điều chỉnh. Đồng thời hệ thống hiển thị popup để ký số phát hành hóa đơn  + Hủy: Hủy bỏ tạo hóa đơn điều chỉnh  + Sau khi lưu và phát hành: Hệ thống gửi thông tin sang HDDT để đồng bộ dữ liệu và gửi CQT, đồng thời lưu thông tin hóa đơn vào cơ sở dữ liệu và nhật ký truy cập   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 5 | UR\_HDDT\_042.04.05 | Thêm mới hóa đơn điều chỉnh không phát sinh hóa đơn mới và không xác định hóa đơn gốc | * **Phát biểu yêu cầu:**   Người dùng lập hóa đơn điều chỉnh không phát sinh hóa đơn mới trong 1 số trường hợp như người dùng chỉ điều chỉnh 1 số thông tin ít quan trọng trên hóa đơn gốc  Cho phép người dùng lập hóa đơn điều chỉnh không xác định hóa đơn gốc trong các trường hợp:  + Hóa đơn gốc đã phát hành trên hệ thống khác VNPT HKD  + Hóa đơn gốc là loại hóa đơn giấy theo TT32, NĐ51…   * **Thông tin đầu vào:**   Giao diện điều chỉnh gồm các trường thông tin sau:  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Nội dung xử lý: tự nhập  Người dùng tiến hành lập thông báo sai sót tại chức năng lập thông báo sai sót. Giao diện thêm mới Thông báo sai sót gồm các trường thông tin sau:  + Tên CQT  + Ngày thông báo  + Tên người nộp thuế  + Mã số thuế  + Địa danh  + Loại thông báo  + Mã CQT cấp  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Ngày hóa đơn  + Loại áp dụng  + Tính chất: Giải trình/…  + Lý do   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn được tạo có trạng thái hóa đơn điều chỉnh   * **Chức năng xử lý:**   + Lưu: Hóa đơn điều chỉnh được lưu lại hệ thống. Hệ thống tạo mới thông báo sai sót  + Hủy: Hủy bỏ tạo hóa đơn điều chỉnh   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 6 | UR\_HDDT\_042.04.06 | Xem hóa đơn điều chỉnh | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xem” tại hóa đơn muốn xem chi tiết   * **Thông tin đầu ra:**   Link html hiển thị mẫu hóa đơn   * **Chức năng xử lý:**   + Xem chi tiết hóa đơn: hệ thống gọi API sang bên HDDT để lấy link html view nội dung hóa đơn  + In hóa đơn: Khi người dùng nhấn vào icon nút In => hệ thống hiển thị cửa sổ in để người dùng tiếp tục thao tác  + Tải hóa đơn: Khi người dùng nhấn vào nút Tải hóa đơn thì cho phép tải file .zip (gồm file html và xml) đặt tên theo mẫu số\_ký hiệu\_số hóa đơn | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 7 | UR\_HDDT\_042.04.07 | Upload biên bản | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng upload biên bản cho hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Upload” tại hóa đơn muốn đính kèm biên bản   * **Thông tin đầu ra:**   Hệ thống hiển thị giao diện upload, cho phép người dùng upload file định dạng pdf, doc, docx, xls, xlsx, dung lượng file không vượt quá 10 MB   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu file upload vào cơ sở dữ liệu  + Nếu thành công thì thông báo “Upload biên bản thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Upload biên bản không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 8 | UR\_HDDT\_042.04.08 | Tạo biên bản | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng tạo biên bản cho hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Tạo biên bản” tại hóa đơn muốn tạo biên bản  Hệ thống hiển thị form nhập biên bản điều chỉnh hiện ra với các trường thông tin sau:  + Số biên bản  + Ngày.. Tháng… năm  + Bên A  + Địa chỉ  + Mã số thuế  + Số điện thoại  + Đại diện  + Chức vụ  + Bên B  + Địa chỉ  + Mã số thuế  + Số điện thoại  + Đại diện  + Chức vụ  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Ngày hóa đơn  + Nội dung ghi sai trên hóa đơn  + Nội dung ghi đúng trên hóa đơn   * **Thông tin đầu ra:**   File biên bản được lưu vào cơ sở dữ liệu dưới dạng file pdf   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu biên bản vào cơ sở dữ liệu  + Nếu thành công thì thông báo “Tạo biên bản thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Tạo biên bản không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 9 | UR\_HDDT\_042.04.09 | Tải biên bản | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng download biên bản cho hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Download” tại hóa đơn muốn tải xuống biên bản   * **Thông tin đầu ra:**   File biên bản được tải xuống thiết bị của người dùng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị giao diện để người dùng tải file biên bản xuống thiết bị  + Nếu thành công thì thông báo “Download biên bản thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Download biên bản không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |

### IV.3.4 Danh sách hóa đơn thay thế

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_042.05.01 | Xem danh sách hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách hóa đơn và tìm kiếm hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu hóa đơn có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  Các thông tin của hóa đơn bị thay thế gồm có:  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  Các thông tin của hóa đơn bị thay thế gồm có:  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Ghi chú  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Xem: xem chi tiết hóa đơn bị thay thế/hóa đơn thay thế  + Tạo biên bản: tạo và gửi biên bản cho người mua hàng  + Upload biên bản: upload biên bản file doc, docx, pdf  + Download biên bản:  Chức năng tìm kiếm hóa đơn:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Từ ngày…Đến ngày (\*): chọn ngày trên lịch có sẵn  + Mẫu số: chọn 1 mẫu số trên danh sách có sẵn  + Ký hiệu: chọn 1 dải ký hiệu trên danh sách có sẵn  + Số hóa đơn bị thay thế: tự nhập  + MST khách hàng: tự nhập  + Mã khách hàng: tự nhập  + Tên khách hàng: tự nhập   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 2 | UR\_HDDT\_042.05.02 | Lập hóa đơn thay thế | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng lập hóa đơn thay thế   * **Thông tin đầu vào:**   Giao diện tham số khi thêm mới hóa đơn thay thế:  + Mẫu số hóa đơn \*: cho phép sửa  + Ký hiệu hóa đơn \*: cho phép sửa  + Số hóa đơn \*:  + Checkbox Khác mẫu số\*:  + Mẫu số mới  Giao diện thêm mới hóa đơn thay thế  Mặc định hiển thị tất cả thông tin của hóa đơn gốc  + Mẫu số hóa đơn \*  + Ký hiệu hóa đơn \*  + Tên hóa đơn \*  + Mã số thuế \*  + Tên đơn vị \*: không cho sửa  + Địa chỉ \*: không cho sửa  + Ngày hóa đơn: cho phép sửa  + Mã khách hàng: cho phép sửa  + Mã số thuế người mua hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Tên đơn vị mua hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Địa chỉ người mua hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Tên người mua hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Số điện thoại: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Email người mua hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + CMND/CCCD: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Số tài khoản: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Tên ngân hàng: tự động hiển thị khi người dùng điền trường Mã khách hàng, cho phép sửa  + Hình thức thanh toán:  + Loại tiền tệ \*: người dùng chọn Việt Nam đồng/Đô la Mỹ  + Tỷ giá  + Giảm 20% GTGT  Thông tin chi tiết người dùng cần nhập vào gồm:  + STT  + Tính chất  + Vật tư hàng hóa  + Tên hàng hóa, dịch vụ  + Đơn vị tính  + Số lượng  + Đơn giá  + Số tiền  + Chiết khấu (%)  + Tiền chiết khấu  + Giảm thuế GTGT  + Danh mục thuế suất  + Thuế GTGT (%)  + Tiền thuế  + Giảm trừ khác  + Tổng tiền   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn được tạo có trạng thái hóa đơn thay thế   * **Chức năng xử lý:**   + Lưu: Tạo các chứng từ hóa đơn điều chỉnh. Đồng thời hệ thống hiển thị popup để ký số phát hành hóa đơn  + Hủy: Hủy bỏ tạo hóa đơn điều chỉnh  + Sau khi lưu và phát hành: Hệ thống gửi thông tin sang HDDT để đồng bộ dữ liệu và gửi CQT, đồng thời lưu thông tin hóa đơn vào cơ sở dữ liệu và nhật ký truy cập   * **Các ngoại lệ:** * Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 3 | UR\_HDDT\_042.05.03 | Lập hóa đơn thay thế không xác định hóa đơn gốc | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng lập hóa đơn thay thế không xác định hóa đơn gốc trong các trường hợp:  + Hóa đơn gốc đã phát hành trên hệ thống khác VNPT HKD  + Hóa đơn gốc là loại hóa đơn giấy theo TT32, NĐ51…   * **Thông tin đầu vào:**   Giao diện tham số khi thêm mới hóa đơn thay thế:  + Mẫu số (\*): tự nhập  + Ký hiệu (\*): tự nhập  + Số hóa đơn (\*): nhập text  + Ngày hóa đơn (\*): nhập dạng ngày tháng năm  + Loại hóa đơn có liên quan (\*)  + Checkbox Mẫu số mới  + Mẫu số mới  Giao diện thêm hóa đơn thay thế:  Mặc định hiển thị tất cả thông tin của hóa đơn gốc  + Mẫu số hóa đơn (\*)  + Ký hiệu hóa đơn (\*)  + Tên hóa đơn (\*)  + Mã số thuế (\*)  + Tên đơn vị (\*)  + Địa chỉ (\*)  + Ngày hóa đơn  + Mã khách hàng  + Mã số thuế người mua hàng  + Tên đơn vị mua hàng  + Tên người mua hàng  + Địa chỉ người mua hàng  + Số điện thoại người mua hàng  + Email người mua hàng  + CMND/CCCD  + Số tài khoản  + Tên ngân hàng  + Hình thức thanh toán  + Loại tiền tệ \*: người dùng chọn Việt Nam đồng/Đô la Mỹ  + Tỷ giá  + Giảm 20% GTGT  Thông tin chi tiết: người dùng cần nhập vào gồm:  + STT  + Tính chất  + Vật tư hàng hóa  + Tên hàng hóa, dịch vụ  + Đơn vị tính  + Số lượng  + Đơn giá  + Số tiền  + Chiết khấu (%)  + Tiền chiết khấu  + Giảm thuế GTGT  + Danh mục thuế suất  + Thuế GTGT (%)  + Tiền thuế  + Giảm trừ khác  + Tổng tiền   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn được tạo có trạng thái hóa đơn thay thế   * **Chức năng xử lý:**   + Lưu: Tạo các chứng từ hóa đơn thay thế. Đồng thời hệ thống hiển thị popup để ký số phát hành hóa đơn  + Hủy: Hủy bỏ tạo hóa đơn thay thế  + Sau khi lưu và phát hành: Hệ thống gửi thông tin sang HDDT để đồng bộ dữ liệu và gửi CQT, đồng thời lưu thông tin hóa đơn vào cơ sở dữ liệu và nhật ký truy cập   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 4 | UR\_HDDT\_042.05.04 | Xem hóa đơn thay thế | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xem” tại hóa đơn muốn xem chi tiết   * **Thông tin đầu ra:**   Link html hiển thị mẫu hóa đơn   * **Chức năng xử lý:**   + Xem chi tiết hóa đơn: hệ thống gọi API sang bên HDDT để lấy link html view nội dung hóa đơn  + In hóa đơn: Khi người dùng nhấn vào icon nút In => hệ thống hiển thị cửa sổ in để người dùng tiếp tục thao tác  + Tải hóa đơn: Khi người dùng nhấn vào nút Tải hóa đơn thì cho phép tải file pdf | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 5 | UR\_HDDT\_042.05.05 | Upload biên bản | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng upload biên bản cho hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Upload” tại hóa đơn muốn đính kèm biên bản   * **Thông tin đầu ra:**   Hệ thống hiển thị giao diện upload, cho phép người dùng upload file định dạng pdf, doc, docx, xls, xlsx, dung lượng file không vượt quá 10 MB   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu file upload vào cơ sở dữ liệu  + Nếu thành công thì thông báo “Upload biên bản thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Upload biên bản không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 6 | UR\_HDDT\_042.05.06 | Tạo biên bản | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng tạo biên bản cho hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Tạo biên bản” tại hóa đơn muốn tạo biên bản  Hệ thống hiển thị form nhập biên bản điều chỉnh hiện ra với các trường thông tin sau:  + Số biên bản: tự nhập  + Ngày.. Tháng… năm: mặc định ngày hiện tại, không cho sửa  + Bên A: tên người bán trên hóa đơn  + Địa chỉ: địa chỉ người bán trên hóa đơn  + Mã số thuế: MST người bán trên hóa đơn  + Số điện thoại: số điện thoại người bán trên hóa đơn  + Đại diện: tự nhập  + Chức vụ: tự nhập  + Bên B: tên đơn vị mua hàng/tên người mua hàng  + Địa chỉ: địa chỉ người mua trên hóa đơn  + Mã số thuế: MST người mua trên hóa đơn  + Số điện thoại: số điện thoại người mua trên hóa đơn  + Đại diện: tự nhập  + Chức vụ: tự nhập  + Mẫu số: hệ thống tự động hiển thị  + Ký hiệu: hệ thống tự động hiển thị  + Số hóa đơn: hệ thống tự động hiển thị  + Ngày hóa đơn: hệ thống tự động hiển thị  + Nội dung ghi sai trên hóa đơn: tự nhập  + Nội dung ghi đúng trên hóa đơn: tự nhập   * **Thông tin đầu ra:**   File biên bản được lưu vào cơ sở dữ liệu dưới dạng file pdf   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu biên bản vào cơ sở dữ liệu  + Nếu thành công thì thông báo “Tạo biên bản thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Tạo biên bản không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 7 | UR\_HDDT\_042.05.07 | Tải biên bản | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng download biên bản cho hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Download” tại hóa đơn muốn tải xuống biên bản   * **Thông tin đầu ra:**   File biên bản được tải xuống thiết bị của người dùng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị giao diện để người dùng tải file biên bản xuống thiết bị  + Nếu thành công thì thông báo “Download biên bản thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Download biên bản không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |

### IV.3.5 Quản lý thông báo sai sót

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_042.02.01 | Xem danh sách thông báo | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách thông báo và tìm kiếm thông báo   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu thông báo có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Mã giao dịch  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Ngày thông báo  + Loại thông báo  + Trạng thái gửi CQT  + Lý do  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Xem: xem chi tiết hóa đơn bị thay thế/hóa đơn thay thế  + Xóa: chỉ xóa được khi trạng thái thông báo là “Chưa gửi”  + Sửa: chỉ sửa được khi trạng thái thông báo là “Chưa gửi”  + Tải xuống XML  + Xem kết quả từ CQT  + Sao chép  + Đồng bộ kết quả từ CQT: chỉ hiển thị khi thông báo đã gửi đi và chưa có kết quả từ CQT  Chức năng tìm kiếm thông báo:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Loại thông báo: chọn 1 trong 2 loại (Thông báo hủy/giải trình theo người nộp thuế; Thông báo hủy/giải trình theo thông báo của CQT)  + Trạng thái thông báo: chọn 1 trong các trạng thái (Chưa gửi; Đã gửi; Gửi lỗi; Không chấp nhận; Chấp nhận; Lỗi hệ thống; Chấp nhận một phần)  + Từ ngày … Đến ngày \*   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách thông báo mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 2 | UR\_HDDT\_042.02.02 | Thêm mới thông báo sai sót | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng lập thông báo sai sót   * **Thông tin đầu vào:**   Các trường thông tin gồm có:  + Tên CQT \*: mặc định hiển thị tên CQT theo đơn vị người dùng đang chọn, được chọn lại  + Người nộp thuế \*: mặc định là tên hộ kinh doanh, không cho sửa  + Mã số thuế \*: mặc định là MST của hộ kinh doanh, không cho sửa  + Ngày thông báo \*: mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa  + Địa danh (tỉnh/thành phố) \*: mặc định lấy theo đơn vị đang chọn, được chọn lại  + Loại thông báo: chọn 1 trong 2 loại (Thông báo hủy/giải trình của người nộp thuế; Thông báo hủy/giải trình của người nộp thuế theo thông báo của CQT)  + Số thông báo của CQT \*: chỉ hiển thị khi loại thông báo chọn là Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT  + Ngày thông báo của CQT \*: chỉ hiển thị khi loại thông báo chọn là Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT  Các thông tin trên bảng nhập liệu gồm:  + STT: tự động sinh ra  + Chọn danh sách hóa đơn để tạo thông báo sai sót: chọn 1 hoặc nhiều hóa đơn trong danh sách có sẵn  + Mã CQT cấp: nếu chọn 1 hóa đơn thì thông tin tự động hiển thị, cho phép nhập/sửa  + Mẫu số: nếu chọn 1 hóa đơn thì thông tin tự động hiển thị, cho phép nhập/sửa  + Ký hiệu: nếu chọn 1 hóa đơn thì thông tin tự động hiển thị, cho phép nhập/sửa  + Số hóa đơn: nếu chọn 1 hóa đơn thì thông tin tự động hiển thị, cho phép nhập/sửa  + Ngày hóa đơn: nếu chọn 1 hóa đơn thì thông tin tự động hiển thị, cho phép nhập/sửa  + Loại áp dụng HDDT: Hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP (mặc định); Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC; Hóa đơn đặt in theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP; Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP  + Tính chất thông báo: tùy thuộc vào trạng thái của Hóa đơn để mặc định trạng thái tương ứng, ví dụ hóa đơn gốc có trạng thái là Bị thay thế thì tính chất là Thay thế. Các tính chất gồm có: Thay thế; Điều chỉnh; Hủy; Giải trình  + Lý do: tự nhập   * **Thông tin đầu ra:**   Thông báo sai sót được lưu trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Lưu thông báo sai sót vào hệ thống   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 3 | UR\_HDDT\_042.02.03 | Sửa thông báo sai sót | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng chỉnh sửa thông báo sai sót   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng có thể chỉnh sửa các trường thông tin như chức năng Thêm mới thông báo sai sót (ngoại trừ các trường không cho phép người dùng sửa)   * **Thông tin đầu ra:**   Các chỉnh sửa thông báo sai sót được lưu trên hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu các chỉnh sửa thông báo sai sót vào cơ sở dữ liệu   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 4 | UR\_HDDT\_042.02.04 | Xóa thông báo sai sót | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xóa thông báo sai sót   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Xóa tại thông báo muốn xóa   * **Thông tin đầu ra:**   Thông báo sai sót bị xóa sẽ không hiển thị trên danh sách thông báo sai sót   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc xóa “Bạn có chắc chắn muốn xóa thông báo?”. Người dùng có 2 lựa chọn sau đây:  + Nếu người dùng chọn Hủy thì hệ thống đóng popup và đưa người dùng quay lại lưới liệt kê  + Nếu người dùng chọn Đồng ý thì hệ thống thực hiện xóa thông báo sai sót và hiển thị thông báo trên hệ thống “Xóa thông báo sai sót thành công”   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 5 | UR\_HDDT\_042.02.05 | Gửi thông báo sai sót | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gửi thông báo sai sót tới CQT   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Gửi” trên màn hình. Người dùng chỉ được tích chọn các thông báo có trạng thái gửi CQT là “Chưa gửi”   * **Thông tin đầu ra:**   Các thông báo sai sót được gửi tới CQT   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách chữ ký số có sẵn để người dùng chọn  + Hệ thống thực hiện gửi dữ liệu các thông báo sai sót tới CQT   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị cảnh báo trong các trường hợp sau đây:  + Các hóa đơn người dùng chọn gửi ở trạng thái “Đã gửi” | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 6 | UR\_HDDT\_042.02.06 | Xem chi tiết thông báo sai sót | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết thông báo   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xem” tại thông báo muốn xem chi tiết   * **Thông tin đầu ra:**   Thông báo sai sót được hiển thị trên màn hình.   * **Chức năng xử lý:**   + Xem chi tiết hóa đơn: hệ thống gọi API sang bên HDDT để lấy link html view nội dung hóa đơn  + Tải hóa đơn: Khi người dùng nhấn vào nút Tải hóa đơn thì cho phép tải file pdf | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 7 | UR\_HDDT\_042.02.07 | Đồng bộ kết quả CQT | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng đồng bộ trạng thái gửi CQT của thông báo sai sót   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút “Đồng bộ” tại thông báo muốn đồng bộ   * **Thông tin đầu ra:**   Trạng thái gửi CQT và mã CQT được đồng bộ về hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống chỉ đồng bộ khi hóa đơn có tình trạng chưa đồng bộ và ở các trạng thái “Đã gửi”   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 8 | UR\_HDDT\_042.02.08 | Tải thông báo sai sót dưới dạng file xml | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng download biên bản thông báo sai sót dưới dạng file xml   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Download” tại thông báo muốn tải xuống   * **Thông tin đầu ra:**   File thông báo dạng xml được tải xuống thiết bị của người dùng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị giao diện để người dùng tải file xml xuống thiết bị  + Nếu thành công thì thông báo “Download thông báo thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Download thông báo không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 9 | UR\_HDDT\_042.02.09 | Sao chép thông báo sai sót | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng sao chép thông báo sai sót đã có trên hệ thống thành 1 thông báo mới   * **Thông tin đầu vào:**   Người sử dụng nhấn icon nút Copy tại bản ghi thông báo muốn sao chép   * **Thông tin đầu ra:**   Thông báo mới được sao chép từ thông báo gốc   * **Chức năng xử lý:**   + Lưu: người dùng lưu thông tin thông báo theo nội dung đã sao chép. Việc validate dữ liệu khi lưu tương tự chức năng Thêm mới thông báo.  + Hủy: hủy yêu cầu sao chép thông báo   * **Các ngoại lệ:**   Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu người dùng nhập thông tin không đúng/không hợp lệ | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 10 | UR\_HDDT\_042.02.10 | Xem kết quả từ CQT | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem kết quả trả về từ CQT cho thông báo sai sót đã gửi CQT   * **Thông tin đầu vào:**   Người sử dụng nhấn icon nút Xem kết quả CQT tại bản ghi thông báo muốn xem   * **Thông tin đầu ra:**   Kết quả từ CQT của thông báo sai sót hiển thị trên màn hình   * **Chức năng xử lý:**   + Hiển thị kết quả thông báo sai sót trên màn hình để người dùng có thể xem được  + Tải xuống: cho phép người dùng tải xuống thiết bị file kết quả dưới dạng pdf   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |

### IV.3.6 Danh sách hóa đơn hủy

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_042.03.01 | Xem danh sách hóa đơn hủy | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách hóa đơn hủy và tìm kiếm hóa đơn hủy   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu hóa đơn hủy có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Tên khách hàng  + Mã khách hàng  + Ngày phát hành  + Trạng thái hóa đơn  + Văn bản  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Xem: chức năng xem chi tiết; in hóa đơn; tải file pdf  + Upload biên bản: cho phép upload file doc, docx, pdf  + Download biên bản  + Tạo biên bản  Chức năng tìm kiếm hóa đơn hủy:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Mẫu số: chọn 1 mẫu số trong danh sách có sẵn  + Ký hiệu: chọn 1 ký hiệu trong danh sách có sẵn  + Trạng thái hóa đơn: chọn 1 trạng thái trong các trạng thái sau: Hóa đơn gốc; Đã thay thế; Đã điều chỉnh; Đã hủy bỏ  + Số hóa đơn: tự nhập  + Từ ngày … Đến ngày: mặc định là ngày hiện tại, có thể sửa  + MST khách hàng: tự nhập  + Mã khách hàng: tự nhập  + Kiểu hóa đơn: chọn 1 trong các kiểu hóa đơn sau: Hóa đơn gốc; Hóa đơn thay thế; Hóa đơn điều chỉnh tăng; Hóa đơn điều chỉnh giảm; Hóa đơn điều chỉnh thông tin  + Tên khách hàng: tự nhập   * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn hủy mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 2 | UR\_HDDT\_042.03.02 | Hủy hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng hủy hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Hủy tại hóa đơn muốn hủy   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn bị hủy sẽ có trạng thái “Hóa đơn bị xóa bỏ”   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc hủy “Bạn có chắc chắn muốn hủy hóa đơn?”. Người dùng có 2 lựa chọn sau đây:  + Nếu người dùng chọn Hủy thì hệ thống đóng popup và đưa người dùng quay lại lưới liệt kê  + Nếu người dùng chọn Đồng ý thì hệ thống thực hiện hủy hóa đơn hiển thị thông báo trên hệ thống “Hủy hóa đơn thành công” hoặc thông báo “Hủy hóa đơn không thành công”   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 3 | UR\_HDDT\_042.03.03 | Khôi phục hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng khôi phục hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn icon nút Khôi phục tại hóa đơn muốn khôi phục. Chỉ thao tác được đối với hóa đơn có trạng thái là “Hóa đơn bị xóa bỏ”   * **Thông tin đầu ra:**   Hóa đơn được khôi phục sẽ có trạng thái “Hóa đơn gốc”   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị popup xác nhận việc hủy “Bạn có chắc chắn muốn khôi phục hóa đơn muốn hủy?”. Người dùng có 2 lựa chọn sau đây:  + Nếu người dùng chọn Hủy thì hệ thống đóng popup và đưa người dùng quay lại lưới liệt kê  + Nếu người dùng chọn Đồng ý thì hệ thống thực hiện khôi phục hóa đơn và hiển thị thông báo trên hệ thống “Khôi phục hóa đơn thành công” hoặc thông báo “Khôi phục hóa đơn không thành công”   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 4 | UR\_HDDT\_042.03.04 | Upload biên bản | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng upload biên bản cho hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Upload” tại hóa đơn muốn đính kèm biên bản   * **Thông tin đầu ra:**   Hệ thống hiển thị giao diện upload, cho phép người dùng upload file định dạng pdf, doc, docx, xls, xlsx, dung lượng file không vượt quá 10 MB   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu file upload vào cơ sở dữ liệu  + Nếu thành công thì thông báo “Upload biên bản thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Upload biên bản không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 5 | UR\_HDDT\_042.03.05 | Tạo biên bản | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng tạo biên bản cho hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Tạo biên bản” tại hóa đơn muốn tạo biên bản  Hệ thống hiển thị form nhập biên bản điều chỉnh hiện ra với các trường thông tin sau:  + Số biên bản: tự nhập  + Ngày.. Tháng… năm: mặc định ngày hiện tại, không cho sửa  + Bên A: tên người bán trên hóa đơn  + Địa chỉ: địa chỉ người bán trên hóa đơn  + Mã số thuế: MST người bán trên hóa đơn  + Số điện thoại: số điện thoại người bán trên hóa đơn  + Đại diện: tự nhập  + Chức vụ: tự nhập  + Bên B: tên đơn vị mua hàng/tên người mua hàng  + Địa chỉ: địa chỉ người mua trên hóa đơn  + Mã số thuế: MST người mua trên hóa đơn  + Số điện thoại: số điện thoại người mua trên hóa đơn  + Đại diện: tự nhập  + Chức vụ: tự nhập  + Mẫu số: hệ thống tự động hiển thị  + Ký hiệu: hệ thống tự động hiển thị  + Số hóa đơn: hệ thống tự động hiển thị  + Ngày hóa đơn: hệ thống tự động hiển thị  + Lý do điều chỉnh: tự nhập   * **Thông tin đầu ra:**   File biên bản được lưu vào cơ sở dữ liệu dưới dạng file pdf   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống lưu biên bản vào cơ sở dữ liệu  + Nếu thành công thì thông báo “Tạo biên bản thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Tạo biên bản không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 6 | UR\_HDDT\_042.03.06 | Tải biên bản | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng download biên bản cho hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Download” tại hóa đơn muốn tải xuống biên bản   * **Thông tin đầu ra:**   File biên bản được tải xuống thiết bị của người dùng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị giao diện để người dùng tải file biên bản xuống thiết bị  + Nếu thành công thì thông báo “Download biên bản thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Download biên bản không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |

### IV.3.7 Lịch sử gửi cơ quan thuế

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_042.06.01 | Xem danh sách lịch sử gửi CQT | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách hóa đơn hủy và tìm kiếm hóa đơn hủy   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu hóa đơn hủy có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Mã giao dịch  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Bắt đầu giao dịch  + Trạng thái  + Loại thông điệp  + Thông báo từ CQT  + Lý do  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Xem: chức năng xem chi tiết; in hóa đơn; tải file pdf  Chức năng tìm kiếm:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Trạng thái: chọn 1 trong các trạng thái sau đây: Đã gửi Tdiep tới TCTN; Lỗi kết nối tới TCTN; Gửi TCTN thất bại; TCTN đã nhận được Tdiep; TCTN đã tiếp nhận và chưa xử lý; TCTN đã phản hồi Tdiep kỹ thuật; TCTN đã gửi Tdiep lên TCT; TCT đã phản hồi Tdiep kỹ thuật; TCT đã phản hồi kết quả Tdiep; Lỗi kết nối CQT  + Loại thông điệp: chọn 1 trong các loại thông điệp sau: Gửi tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng HDDT; Gửi tờ khai đăng ký thay đổi thông tin đăng ký sử dụng HDDT khi ủy nhiệm/nhận ủy nhiệm lập hóa đơn; Gửi Đơn đề nghị cấp HDDT có mã của CQT theo từng lần phát sinh;…  + Mẫu số: chọn trong danh sách có sẵn  + Ký hiệu: chọn trong danh sách có sẵn  + Số hóa đơn: tự nhập  + Từ ngày: mặc định là ngày đầu tháng hiện tại  + Đến ngày: mặc định là ngày hiện tại  + Thông báo từ CQT: chọn 1 trong các loại thông báo sau: Tiếp nhận tờ khai đăng ký sử dụng HDDT; Không tiếp nhận tờ khai đăng ký sử dụng HDDT; Tiếp nhận tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng HDDT;…  + Mã giao dịch: tự nhập  **Chức năng xử lý:**  + Hệ thống hiển thị danh sách lịch sử gửi CQT mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 2 | UR\_HDDT\_042.06.02 | Xem chi tiết lịch sử gửi CQT | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết lịch sử   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xem” tại lịch sử muốn xem chi tiết   * **Thông tin đầu ra:**   Chi tiết lịch sử được hiển thị trên màn hình, gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Mã giao dịch  + Trạng thái  + Ngày tạo   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị chi tiết lịch sử gửi CQT | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 3 | UR\_HDDT\_042.06.03 | Xem chi tiết phản hồi | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết phản hồi   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xem” tại phản hồi muốn xem chi tiết   * **Thông tin đầu ra:**   Chi tiết phản hồi được hiển thị trên màn hình, gồm các trường thông tin sau:  + Trạng thái  + Mã giao dịch  + Ngày tạo  + XML data  + Thông báo từ hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị chi tiết phản hồi của CQT | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 4 | UR\_HDDT\_042.06.04 | Nhận lại kết quả phản hồi từ CQT | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng nhận kết quả phản hồi từ CQT trong trường hợp kết quả phản hồi chưa đồng bộ từ CQT về hệ thống   * **Thông tin đầu vào:**   Trên màn hình Xem chi tiết lịch sử gửi CQT, người dùng nhấn nút “Nhận kết quả”   * **Thông tin đầu ra:**   Trạng thái và mã của CQT được đồng bộ từ CQT về hệ thống   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống đồng bộ trạng thái và mã của CQT cấp | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 5 | UR\_HDDT\_042.06.05 | Xuất file excel | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xuất file excel danh sách lịch sử gửi CQT   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu lịch sử gửi CQT có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   File excel danh sách lịch sử gửi CQT gồm các trường thông tin như màn hình danh sách lịch sử gửi CQT   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống xuất ra file excel | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |

### IV.3.8 Danh sách hóa đơn chuyển đổi

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_042.07.01 | Xem danh sách hóa đơn chuyển đổi | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách hóa đơn chuyển đổi   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu hóa đơn hủy có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Mã khách hàng  + Người mua hàng  + Ngày phát hành  Các nút thao tác chức năng gồm:  + Xem: xem hóa đơn gốc  + Chuyển đổi lưu trữ  Chức năng tìm kiếm:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Mẫu số: chọn 1 mẫu số trong danh sách có sẵn  + Ký hiệu: chọn 1 mẫu số trong danh sách có sẵn  + Số hóa đơn: tự nhập  + Trạng thái: chọn 1 trạng thái trong danh sách có sẵn  + Từ ngày \*: mặc định là ngày đầu tháng, có thể chọn lại  + Đến ngày \*: mặc định là ngày hiện tại, có thể chọn lại  + MST khách hàng: tự nhập  + Mã khách hàng: tự nhập  + Tên khách hàng: tự nhập  + Fkey: tự nhập  **Chức năng xử lý:**  + Hệ thống hiển thị danh sách lịch sử gửi CQT mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 2 | UR\_HDDT\_042.07.02 | Chuyển đổi lưu trữ | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng chuyển đổi lưu trữ hóa đơn (lưu trữ từ dạng HDDT sang hóa đơn giấy)   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Chuyển đổi” tại hóa đơn muốn chuyển đổi lưu trữ   * **Thông tin đầu ra:**   HDDT được chuyển sang dạng hóa đơn lưu trữ giấy   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống chuyển đổi HDDT sang dạng để lưu trữ giấy   * **Ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 3 | UR\_HDDT\_042.07.03 | Xem chi tiết hóa đơn gốc | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết hóa đơn gốc   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xem” tại hóa đơn muốn xem chi tiết   * **Thông tin đầu ra:**   Chi tiết hóa đơn gốc được hiển thị trên màn hình. Người dùng có thể tải file pdf hóa đơn.   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị chi tiết hóa đơn gốc và cho phép người dùng tải file pdf hóa đơn   * **Ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |

### IV.3.9 Tra cứu hóa đơn từ Hệ thống HDDT của Tổng cục thuế

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_042.08.01 | Xem danh sách hóa đơn từ Hệ thống HDDT của Tổng cục thuế | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem danh sách hóa đơn từ hệ thống HDDT của Tổng cục thuế   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu hóa đơn có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách gồm các trường thông tin sau:  + STT  + Số hóa đơn  + Mã CQT cấp  + Mẫu số  + Ký hiệu  + Tên đơn vị mua hàng  + Tên người mua hàng  + MST người mua hàng  + Ngày hóa đơn  + Trạng thái hóa đơn  + Kiểu hóa đơn  Các nút thao tác trên lưới danh sách gồm:  + Xem: xem chi tiết hóa đơn  + Đồng bộ  Chức năng tìm kiếm:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Mẫu số: chọn 1 mẫu số trong danh sách có sẵn  + Ký hiệu: chọn 1 mẫu số trong danh sách có sẵn  + Từ ngày: mặc định là ngày hiện tại, cho phép chọn lại  + Đến ngày: mặc định là ngày hiện tại, cho phép chọn lại  **Chức năng xử lý:**  + Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 2 | UR\_HDDT\_042.08.02 | Xem chi tiết hóa đơn từ Hệ thống HDDT của Tổng cục thuế | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem chi tiết hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xem” tại hóa đơn muốn xem chi tiết   * **Thông tin đầu ra:**   Chi tiết hóa đơn được hiển thị trên màn hình. Người dùng có thể tải file pdf hóa đơn.   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị chi tiết hóa đơn và cho phép người dùng tải file pdf hóa đơn   * **Ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |
| 3 | UR\_HDDT\_042.08.03 | Đồng bộ về hệ thống | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem thông tin đồng bộ hóa đơn từ hệ thống HDDT của Tổng cục thuế   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Đồng bộ” tại hóa đơn muốn đồng bộ   * **Thông tin đầu ra:**   Toàn bộ thông tin của hóa đơn được đồng bộ từ hệ thống HDDT của Tổng cục thuế   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống đồng bộ các thông tin của hóa đơn từ hệ thống HDDT của Tổng cục thuế   * **Ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Nhân viên kế toán |

## Báo cáo

### IV.3.1 Bảng kê hóa đơn từ chứng từ bán hàng (mẫu GTGT)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | SR\_HDDT\_043.01.01 | Xem số liệu bảng kê hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem bảng kê hóa đơn từ chứng từ bán hàng   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu bảng kê có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Bảng kê gồm các trường thông tin sau:  Danh sách hóa đơn, chứng từ bán được phân vào các loại sau:  + Hàng hóa, dịch vụ không kê khai và nộp thuế  + Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT  + Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%  + Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%  + Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 8%  + Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%  + Hàng hóa, dịch vụ loại thuế khác  Các trường thông tin hiển thị trên lưới gồm:  + Số hóa đơn  + Ngày tháng năm phát hành  + Tên người mua  + Tên đơn vị mua hàng  + Hình thức thanh toán  + MST người mua  + Doanh số bán chưa có thuế  + Chiết khấu thương mại  + Giảm thuế  + Giảm trừ khác  + Thuế GTGT  + Doanh số trên hóa đơn  + Ghi chú  + Tổng cộng doanh số bán hàng chưa thuế  + Tổng cộng chiết khấu thương mại  + Tổng cộng giảm thuế NĐ15  + Tổng cộng giảm trừ khác  + Tổng cộng thuế GTGT  + Tổng cộng doanh số trên hóa đơn  + Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT  + Tổng số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra  Các nút thao tác trên màn hình bảng kê gồm:  + Xem số liệu: chức năng tìm kiếm bảng kê theo tiêu chí tìm kiếm  + Xem báo cáo: hiển thị bảng kê theo biểu mẫu báo cáo  + Xuất excel  Chức năng tìm kiếm:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Ngày hóa đơn/Ngày phát hành từ ngày: mặc định là ngày đầu tháng hiện tại, cho phép chọn lại  + Ngày hóa đơn/Ngày phát hành đến ngày: mặc định là ngày hiện tại, cho phép chọn lại  + MST người mua: tự nhập  **Chức năng xử lý:**  + Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm: các hóa đơn được sắp xếp theo thứ tự tăng dần của ngày hóa đơn  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |
| 2 | SR\_HDDT\_043.01.02 | Xem báo cáo bảng kê hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem báo cáo bảng kê hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu bảng kê hóa đơn có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách bảng kê hóa đơn hiển thị dưới dạng báo cáo theo biểu mẫu có sẵn  Người dùng có thể in và tải file pdf xuống thiết bị  Biểu mẫu báo cáo gồm các thông tin sau:  + Kỳ tính thuế  + Tên người nộp thuế  + Mã số thuế  + Tên đại lý thuế (nếu có)  + Mã số thuế  + Các trường thông tin như trong lưới tại màn hình xem số liệu bảng kê   * **Chức năng xử lý:**   + Hiển thị danh sách bảng kê hóa đơn dưới dạng biểu mẫu báo cáo  + Cho phép người dùng in và tải xuống file pdf báo cáo   * **Ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |
| 3 | SR\_HDDT\_043.01.03 | Xuất file excel bảng kê hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xuất file excel bảng kê hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xuất file excel” trên màn hình danh sách bảng kê   * **Thông tin đầu ra:**   File excel danh sách bảng kê được tải xuống thiết bị của người dùng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị giao diện để người dùng tải file excel xuống thiết bị  + Nếu thành công thì thông báo “Download bảng kê thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Download bảng kê không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |

### IV.3.2 Thống kê chi tiết hàng hóa trong hóa đơn

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_043.02.01 | Xem thống kê chi tiết hàng hóa trong hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem thống kê chi tiết hàng hóa trong hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu hóa đơn (chi tiết về hàng hóa) có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Thống kê gồm các trường thông tin sau:  Danh sách hóa đơn, chứng từ bán được phân vào các loại sau:  + Hàng hóa, dịch vụ không kê khai và nộp thuế  + Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT  + Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%  + Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%  + Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 8%  + Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%  + Hàng hóa, dịch vụ loại thuế khác  Các trường thông tin hiển thị trên lưới gồm:  + Số hóa đơn  + Ngày tháng năm phát hành  + Tên người mua  + Tên đơn vị mua hàng  + MST người mua  + Mặt hàng  + Nhóm hàng  + Đơn vị tính  + Đơn giá  + Số lượng  + Doanh số bán chưa có thuế  + Chiết khấu thương mại  + Giảm thuế  + Giảm trừ khác  + Thuế GTGT  + Doanh số trên hóa đơn  + Ghi chú  + Trạng thái hóa đơn  + Tổng cộng doanh số bán hàng chưa thuế  + Tổng cộng chiết khấu thương mại  + Tổng cộng giảm thuế NĐ15  + Tổng cộng giảm trừ khác  + Tổng cộng thuế GTGT  + Tổng cộng doanh số trên hóa đơn  + Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT  + Tổng số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra  Các nút thao tác trên màn hình bảng kê gồm:  + Xem số liệu: chức năng tìm kiếm bảng kê theo tiêu chí tìm kiếm  + Xem báo cáo: hiển thị bảng kê theo biểu mẫu báo cáo  + Xuất excel  Chức năng tìm kiếm:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Ngày hóa đơn/Ngày phát hành từ ngày: mặc định là ngày đầu tháng hiện tại, cho phép chọn lại  + Ngày hóa đơn/Ngày phát hành đến ngày: mặc định là ngày hiện tại, cho phép chọn lại  + MST người mua: tự nhập  **Chức năng xử lý:**  + Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |
| 2 | UR\_HDDT\_043.02.02 | Xem báo cáo thống kê chi tiết hàng hóa | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem báo cáo bảng kê hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu chi tiết hàng hóa trên hóa đơn có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách thống kê chi tiết hàng hóa hiển thị dưới dạng báo cáo theo biểu mẫu có sẵn  Người dùng có thể in và tải file pdf xuống thiết bị  Biểu mẫu báo cáo gồm các thông tin sau:  + Kỳ tính thuế  + Tên người nộp thuế  + Mã số thuế  + Tên đại lý thuế (nếu có)  + Mã số thuế  + Các trường thông tin như trong lưới tại màn hình xem số liệu thống kê   * **Chức năng xử lý:**   + Hiển thị thống kê chi tiết hàng hóa dưới dạng biểu mẫu báo cáo  + Cho phép người dùng in và tải xuống file pdf báo cáo   * **Ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |
| 3 | UR\_HDDT\_043.02.03 | Xuất file excel thống kê chi tiết hàng hóa | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xuất file excel thống kê chi tiết hàng hóa   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xuất file excel” trên màn hình thống kê   * **Thông tin đầu ra:**   File excel danh sách thống kê được tải xuống thiết bị của người dùng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị giao diện để người dùng tải file excel xuống thiết bị  + Nếu thành công thì thông báo “Download thống kê thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Download thống kê không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |

### IV.3.3 Báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_043.03.01 | Xem số liệu báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem số liệu báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu doanh thu sản phẩm dịch vụ có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Các trường thông tin hiển thị trên lưới gồm:  + Mẫu hóa đơn  + Ký hiệu  + Số hóa đơn  + Ngày HĐ  + Tên người mua  + MST người mua  + Địa chỉ  + Mã hàng  + Mặt hàng  + Đơn vị tính  + Đơn giá  + Số lượng  + Tiền chiết khấu  + Giảm trừ khác  + Thành tiền  + Giảm thuế NĐ43  + Thành tiền sau giảm thuế  + Thuế GTGT phải nộp  + Thuế TNCN phải nộp  + Tổng thuế GTGT & TNCN phải nộp  + Ghi chú  + Tổng cộng doanh số bán hàng chưa thuế  + Tổng cộng chiết khấu thương mại  + Tổng cộng giảm thuế NĐ15  + Tổng cộng giảm trừ khác  + Tổng cộng thuế GTGT  + Tổng cộng doanh số trên hóa đơn  + Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT  + Tổng số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra  Các nút thao tác trên màn hình báo cáo gồm:  + Xem số liệu: chức năng tìm kiếm báo cáo theo tiêu chí tìm kiếm  + Xem báo cáo: hiển thị báo cáo theo biểu mẫu báo cáo  + Xuất excel  Chức năng tìm kiếm:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Ngày hóa đơn/Ngày phát hành từ ngày: mặc định là ngày đầu tháng hiện tại, cho phép chọn lại  + Ngày hóa đơn/Ngày phát hành đến ngày: mặc định là ngày hiện tại, cho phép chọn lại  + MST người mua: tự nhập  + Mã nhóm: chọn 1 trong các nhóm (Dịch vụ; Hàng hóa; Sản xuất – vận tải – dịch vụ; Khác)  **Chức năng xử lý:**  + Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |
| 2 | UR\_HDDT\_043.03.02 | Xem báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu doanh thu sản phẩm dịch vụ trên hóa đơn có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách thống kê doanh thu hàng hóa dịch vụ hiển thị dưới dạng báo cáo theo biểu mẫu có sẵn  Người dùng có thể in và tải file pdf xuống thiết bị  Biểu mẫu báo cáo gồm các thông tin sau:  + Kỳ tính thuế  + Tên người nộp thuế  + Mã số thuế  + Tên đại lý thuế (nếu có)  + Mã số thuế  + Các trường thông tin như trong lưới tại màn hình xem số liệu báo cáo   * **Chức năng xử lý:**   + Hiển thị thống kê chi tiết hàng hóa dưới dạng biểu mẫu báo cáo  + Cho phép người dùng in và tải xuống file pdf báo cáo   * **Ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |
| 3 | UR\_HDDT\_043.03.03 | Xuất file excel báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xuất file excel báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xuất file excel” trên màn hình báo cáo   * **Thông tin đầu ra:**   File excel báo cáo được tải xuống thiết bị của người dùng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị giao diện để người dùng tải file excel xuống thiết bị  + Nếu thành công thì thông báo “Download báo cáo thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Download báo cáo không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |

### IV.3.4 Báo cáo giảm thuế GTGT

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| 1 | UR\_HDDT\_043.04.01 | Xem số liệu báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem số liệu báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu doanh thu sản phẩm dịch vụ có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Các trường thông tin hiển thị trên lưới gồm:  + Tên hàng hóa, dịch vụ  + Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/Doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế  + Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định  + Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm  + Thuế GTGT được giảm  + Ghi chú  Các nút thao tác trên màn hình báo cáo gồm:  + Xem số liệu: chức năng tìm kiếm báo cáo theo tiêu chí tìm kiếm  + Xem báo cáo: hiển thị báo cáo theo biểu mẫu báo cáo  + Xuất excel  Chức năng tìm kiếm:  Người dùng nhập từ khóa hoặc lựa chọn tiêu chí với các trường thông tin sau:  + Ngày hóa đơn/Ngày phát hành từ ngày: mặc định là ngày đầu tháng hiện tại, cho phép chọn lại  + Ngày hóa đơn/Ngày phát hành đến ngày: mặc định là ngày hiện tại, cho phép chọn lại  + MST người mua: tự nhập  + Mã nhóm: chọn 1 trong các nhóm (Dịch vụ; Hàng hóa; Sản xuất – vận tải – dịch vụ; Khác)  **Chức năng xử lý:**  + Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn mặc định/hiển thị theo tiêu chí tìm kiếm  + Phân trang: Mặc định ban đầu hiển thị 10 bản ghi/trang, cho phép phân trang 10 25 50 100 bản ghi trên 1 trang   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |
| 2 | UR\_HDDT\_043.04.02 | Xem báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xem báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ   * **Thông tin đầu vào:**   Dữ liệu doanh thu sản phẩm dịch vụ trên hóa đơn có trên hệ thống   * **Thông tin đầu ra:**   Danh sách thống kê doanh thu hàng hóa dịch vụ hiển thị dưới dạng báo cáo theo biểu mẫu có sẵn  Người dùng có thể in và tải file pdf xuống thiết bị  Biểu mẫu báo cáo gồm các thông tin sau:  + Kỳ tính thuế  + Tên người nộp thuế  + Mã số thuế  + Tên đại lý thuế (nếu có)  + Mã số thuế  + Các trường thông tin như trong lưới tại màn hình xem số liệu báo cáo   * **Chức năng xử lý:**   + Hiển thị thống kê chi tiết hàng hóa dưới dạng biểu mẫu báo cáo  + Cho phép người dùng in và tải xuống file pdf báo cáo   * **Ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |
| 3 | UR\_HDDT\_043.04.03 | Xuất file excel báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng xuất file excel báo cáo doanh thu sản phẩm dịch vụ   * **Thông tin đầu vào:**   Người dùng nhấn nút “Xuất file excel” trên màn hình báo cáo   * **Thông tin đầu ra:**   File excel báo cáo được tải xuống thiết bị của người dùng   * **Chức năng xử lý:**   Hệ thống hiển thị giao diện để người dùng tải file excel xuống thiết bị  + Nếu thành công thì thông báo “Download báo cáo thành công”  + Nếu không thành công thì thông báo “Download báo cáo không thành công” (kèm lý do) | Cao | Cao | Kế toán trưởng, Lãnh đạo đơn vị, Cơ quan thuế |

## Tích hợp API

### IV.5.1 API quản lý chứng thư số

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_044.01.01 | API lấy thông tin danh sách chứng thư số | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gọi API lấy thông tin danh sách chứng thư số   * **Thông tin đầu vào:**   + Link API: /api/Invoice/Certificate\_Get  + Phương thức: GET  + Parameter   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | | enterprise\_id | int | Có |  * **Thông tin đầu ra:**   + Success code    + Error code     * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống thực hiện kiểm tra xem token có quyền gọi API hay không  + Hệ thống kiểm tra xem người dùng có được truy cập đến dữ liệu theo đơn vị id truyền lên hay không  + Dữ liệu đầu ra lấy từ bảng certificates, các bản ghi có status =0,1,2 theo đơn vị id đầu vào   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_044.01.02 | API xem chi tiết thông tin chứng thư số | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gọi API xem chi tiết thông tin chứng thư số   * **Thông tin đầu vào:**   + Link API: /api/Invoice/Certificate\_GetById  + Phương thức: GET  + Parameter   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tên thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc** | | Id | string | Id dải hóa đơn xem chi tiết | Có | | enterprise\_id | int | Id đơn vị | Có |  * **Thông tin đầu ra:**   + Success code    + Error code:     * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống thực hiện kiểm tra xem token có quyền gọi API hay không  + Hệ thống kiểm tra xem người dùng có được truy cập đến dữ liệu theo đơn vị id truyền lên hay không  + Dữ liệu đầu ra lấy từ bảng certificates, các bản ghi có status =0,1,2 theo đơn vị id và id đầu vào. Nếu không tìm thấy thì trả về lỗi 404 theo id đầu vào   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.5.2 API quản lý mẫu hóa đơn

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_044.02.01 | API liệt kê | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gọi API liệt kê danh sách mẫu hoá đơn   * **Thông tin đầu vào:**   + Link API: /api/Invoice/*Search*InvoiceTemplate  + Phương thức: GET     * **Thông tin đầu ra:**   + Success code    + Error code     * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống thực hiện kiểm tra xem token có quyền gọi API hay không  + Hệ thống kiểm tra xem người dùng có được truy cập đến dữ liệu theo đơn vị id truyền lên hay không  + Dữ liệu đầu ra lấy từ bảng certificates, các bản ghi có status =0,1,2 theo đơn vị id và id đầu vào. Nếu không tìm thấy thì trả về lỗi 404 theo id đầu vào   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.5.3 API quản lý dải ký hiệu

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_044.03.01 | API liệt kê | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gọi API liệt kê danh sách dải ký hiệu   * **Thông tin đầu vào:**   + Link API: /api/Invoice/SearchRegisterPublish  + Phương thức: GET     * **Thông tin đầu ra:**   + Success code:    + Error code:     * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống thực hiện kiểm tra xem token có quyền gọi API hay không  + Hệ thống kiểm tra xem người dùng có được truy cập đến dữ liệu theo đơn vị id truyền lên hay không  + Dữ liệu đầu ra lấy từ bảng register\_publish\_invoices, các bản ghi có status = 1 theo đơn vị id đầu vào   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_044.03.02 | API lấy chi tiết dải hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gọi API lấy chi tiết dải hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   + Link API: /api/Invoice/RegisterPublishDetail  + Phương thức: Get  + Parameter:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc** | | 1 | Id | string | Id dải hóa đơn xem chi tiết | Có | | 2 | enterprise\_id | int | Id đơn vị | Có |  * **Thông tin đầu ra:**   + Success code    + Error code     * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống thực hiện kiểm tra xem token có quyền gọi API hay không  + Hệ thống kiểm tra xem người dùng có được truy cập đến dữ liệu theo đơn vị id truyền lên hay không  + Thực hiện lấy dữ liệu từ bảng register\_publish\_invoices theo đầu vào tìm kiếm và có status = 1. Trả về 404 nếu không tìm thấy dải ký hiệu theo id đầu vào   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |

### IV.5.4 API quản lý hóa đơn

| **STT** | **Mã yêu cầu** | **Tên yêu cầu** | **Mô tả** | **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ quan trọng** | **Đối tượng liên quan** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | UR\_HDDT\_044.04.01 | API tìm kiếm hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gọi API lấy tất cả các hóa đơn hiện có của đơn vị   * **Thông tin đầu vào:**   + Link API:  */api/Invoice/SearchInvoice*  + Phương thức: POST  + Parameter     * **Thông tin đầu ra:**   + Success code:      + Error code:     * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống thực hiện kiểm tra xem token có quyền gọi API hay không  + Hệ thống kiểm tra xem người dùng có được truy cập đến dữ liệu theo đơn vị id truyền lên hay không  + Dữ liệu đầu ra lấy từ bảng invoices, các bản ghi có status khác - 1 theo đơn vị id đầu vào   * **Các ngoại lệ:**   Không có | Cao | Cao | Quản trị hệ thống quản lý doanh nghiệp |
| 2 | UR\_HDDT\_044.04.02 | API lấy file hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gọi API lấy thông tin view hóa đơn dạng pdf   * **Thông tin đầu vào:**   + Link API:  /api/Invoice/ViewInvoice  + Phương thức: POST  + Parameter     * **Thông tin đầu ra:**   + Success code:    + Error code:     * **Chức năng xử lý:**   + Hệ thống thực hiện kiểm tra xem token có quyền gọi API hay không  + Hệ thống kiểm tra xem người dùng có được truy cập đến dữ liệu theo đơn vị id truyền lên hay không  + Dữ liệu đầu ra lấy từ bảng invoices, các bản ghi có status khác - 1 theo đơn vị id của token đang xét và có invoice\_code = fkey đầu vào   * **Các ngoại lệ:**   Không có |  |  |  |
| 3 | UR\_HDDT\_044.04.03 | API thêm mới hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gọi API thêm mới 1 hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   + Link API:  /api/Invoice/AddInvoice  + Phương thức: POST  + Parameter        **Thông tin đầu ra:**  + Success code:    + Error code:     * **Chức năng xử lý:**   + Nếu hệ thống thêm mới thành công thì đầu ra trả rainvoice\_financial\_id và invoice\_code kèm thông báo “Thêm mới hóa đơn thành công”  + Nếu hệ thống thêm mới không thành công thì thông báo “Thêm mới hóa đơn không thành công, vui lòng kiểm tra lại thông tin đầu vào”   * **Các ngoại lệ:**   Không có |  |  |  |
| 4 | UR\_HDDT\_044.04.04 | API sửa hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gọi API sửa thông tin hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   + Link API:  /api/Invoice/ EditInvoice  + Phương thức: POST  + Parameter        **Thông tin đầu ra:**  + Success code:    + Error code:     * **Chức năng xử lý:**   + Nếu hệ thống sửa thành công thì đầu ra trả rainvoice\_financial\_id và invoice\_code kèm thông báo “Sửa hóa đơn thành công”  + Nếu hệ thống sửa không thành công thì thông báo “Sửa hóa đơn không thành công, vui lòng kiểm tra lại thông tin đầu vào”   * **Các ngoại lệ:**   Không có |  |  |  |
| 5 | UR\_HDDT\_044.04.05 | API xem  hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gọi API xem thông tin hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   + Link API:  */api/Invoice/DetailInvoice*  + Phương thức: POST  + Parameter    **Thông tin đầu ra:**  + Success code:    + Error code:     * **Chức năng xử lý:**   + Thực hiện kiểm tra user được quyền gọi API hay không  + Thực hiện kiểm tra user có quyền truy cập dữ liệu của đơn vị id hay không  + Thực hiện lấy dữ liệu từ bảng **invoice** theo đầu vào tìm kiếm và có status khác - 1, invoice\_financial\_id = invoice\_financial\_id đầu vào, enterprise\_id = id đơn vị theo token  **- Các ngoại lệ:**  Không có |  |  |  |
| 6 | UR\_HDDT\_044.04.06 | API xóa  hóa đơn | * **Phát biểu yêu cầu:**   Cho phép người dùng gọi API xóa hóa đơn   * **Thông tin đầu vào:**   + Link API:  */api/Invoice/DeleteInvoice*  + Phương thức: POST  + Parameter    **Thông tin đầu ra:**  + Success code:    + Error code:     * **Chức năng xử lý:**   + Thực hiện kiểm tra user được quyền gọi API hay không  + Thực hiện kiểm tra user có quyền truy cập dữ liệu của đơn vị id hay không  + Thực hiện lấy dữ liệu từ bảng **invoice** theo đầu vào tìm kiếm và có status khác 0, invoice\_financial\_id = invoice\_financial\_id đầu vào, enterprise\_id = id đơn vị theo token  **- Các ngoại lệ:**  Không có |  |  |  |

# CÁC YÊU CẦU PHI CHỨC NĂNG

## Yêu cầu bản mật, phân quyền người sử dụng

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã YC** | **Yêu cầu** |
| UR058 | Đảm bảo yêu cầu mật khẩu đăng nhập, Dữ liệu các công ty được bảo mật. Công ty nào chỉ được xem tài liệu của công ty đó. Các nhân viên của công ty thì chỉ được thao tác trên các chức năng thuộc quyền của mình. |
| UR059 | Việc phân quyền là thực hiện theo chức năng. Tùy theo chức năng hoặc nhóm quyền tại từng đơn vị sẽ tạo trên hệ thống tương ứng. |
| UR060 | Yêu cầu về mật khẩu:   * Mật khẩu ít nhất phải có 8 ký tự, đan xem giữa các ký tự thường, ký tự in hoa, chữ số và ký tự đặc biệt. Mật khẩu đặt theo quy tắc riêng của người đặt, gợi nhớ nhưng khó đoán đối với người khác * Mật khẩu không đặt theo các thông tin công khai dễ đoán |
| UR061 | Upload file:   * Upload theo đúng các định dạng cho phép * Server cài Kaspersky |

## Yêu cầu sao lưu và phục hồi dữ liệu

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã** | **Yêu cầu** |
| UR062 | - Yêu cầu backup hệ thống hàng ngày (Website và Database) |

## Yêu cầu về tính khả dụng (Usability)

| **Mã** | **Yêu cầu** |
| --- | --- |
| UR063 | Chương trình sử dụng giao diện tiếng Việt, đơn giản, dễ nhìn, hỗ trợ chuẩn Unicode |
| UR064 | Chương trình dễ sử dụng với mô tả rõ ràng, nút bấm dễ hiểu, dễ thao tác. |

## Mã yêu cầu: yêu cầu về tính ổn định (Reliability)

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã** | **Yêu cầu** |
| UR065 | Khi xảy ra các sự cố làm ngừng vận hành hệ thống, hệ thống đảm bảo phục hồi theo đúng cam kết trong SLA của tập đoàn. |

## Yêu cầu về hiệu năng (Performance)

| **Mã** | **Yêu cầu** |
| --- | --- |
| UR066 | Chương trình hoạt động nhanh, thời gian cho mỗi xử lý cập nhật không quá 03 giây |
| UR067 | Thời gian đảm bảo không chậm hơn 1000 hóa đơn/phút |
| UR068 | Bố trí hệ thống để đáp ứng tốt cho các công ty đã đăng ký sử dụng |

## Yêu cầu về tính hỗ trợ (Supportability)

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã** | **Yêu cầu** |
|  | N/A |

## Yêu cầu các ràng buộc thiết kế (Design contraints)

| **Mã** | **Yêu cầu** |
| --- | --- |
| UR069 | Thực hiện trên ngôn ngữ lập trình: ASP.Net, C#, javascript. Sử dụng Linq, MVC |
| UR070 | Thực hiện trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server 2008 hoặc Oracle 11g |
| UR071 | Internet Information System (IIS) |
| UR072 | Window 2008 server |
| UR073 | Phải hoạt động được trên môi trường mạng Internet |
| UR074 | Tuân thủ đúng các quy định trong:   * Thông tư số 68/2019/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 119/2018/nđ-cp ngày 12 tháng 9 năm 2018 của chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ |

## Yêu cầu về giao tiếp (Interfaces)

| **Mã** | **Yêu cầu** |
| --- | --- |
| UR075 | Người dùng giao tiếp với hệ thống thông qua trình duyệt internet (IE, FF..) với giao thức TCP/IP. |

## Các yêu cầu về tài liệu người dùng và hỗ trợ trực tuyến

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã** | **Yêu cầu** |
|  | N/A |

## Mã yêu cầu: các thành phần mua ngoài

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã** | **Yêu cầu** |
|  | N/A |

## Các yêu cầu pháp lý, bản quyền và ghi chú khác

| **Mã** | **Yêu cầu** |
| --- | --- |
|  | N/A |

## Các tiêu chuẩn áp dụng

| **Mã** | **Yêu cầu** |
| --- | --- |
|  | N/A |

# TIÊU CHUẨN NGHIỆM THU (\*)

Hệ thống được nghiệm thu khi thỏa các điều kiện sau:

* Hệ thống được thiết kế và vận hành theo như mô tả trong tài liệu này, đồng thời đáp ứng > 90% yêu cầu có độ ưu tiên 1 trong Mục IV của Tài liệu này
* Hệ thống được hiệu chỉnh sau khi triển khai thử nghiệm
* Tổ chức hướng dẫn sử dụng đối với người dùng